

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 39

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V D 0913	Nguyễn Thảo Vy	01/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	7.9	Địa lí	8.9	7.25	4.75	6.10	
2	C K 0914	Nguyễn Thảo Vy	09/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Tin học	8.9			6.50	6.00	6.70	
3	A V 0915	Nguyễn Tường Vy	02/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.3	8.00	6.50	9.00	
4	V K 0916	Phan Khánh Vy	24/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			8.50	5.50	5.90	
5	V B 0917	Trần Nguyễn Minh Vy	03/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	7.6	Lịch sử	8.2	6.25	2.00	3.60	
6	A K 0918	Trần Thị Phương Vy	07/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Dương	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			6.50	3.75	7.50	
7	B T 0919	Mai Thị Hồng Xuyên	11/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Tuấn, Đắk Pơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.4	Toán	9.4	4.50	4.00	4.50	
8	V K 0920	Nguyễn Thanh Thiện Ý	26/03/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.1			7.00	3.25	5.50	
9	H K 0921	Phạm Trần Như Ý	19/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1			7.00	6.75	5.10	
10	T A 0922	Võ Thiện Ý	22/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tiếng Anh	9.8	7.00	9.75	9.10	
11	D K 0923	Phạm Đỗ Gia Yên	10/11/2010	Nữ	Kinh	Phú Yên	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.8			7.50	3.25	7.00	Ba Địa lí
12	T K 0924	Lê Hải Yên	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5			7.25	8.50	8.20	
13	L C 0925	Lê Hoàng Bảo Yên	27/03/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Hùng Vương, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.7	Tin học	8.4	7.75	5.75	3.70	
14	V K 0926	Lê Thị Hải Yên	25/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Chư Sê	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8			7.00	5.25	4.50	
15	A V 0927	Nguyễn Hải Yên	16/03/2010	Nữ	Kinh	Hải Dương	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.8	6.25	6.75	8.50	
16	A K 0928	Nguyễn Lộc Hoàng Yên	20/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			8.25	6.75	9.40	

(Danh sách này gồm 16 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khách Tô Tuấn Khanh
Vy
Nguyễn Thị
Nguyễn Văn

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 38

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V A 0889	Nguyễn Hà Vân	20/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Tiếng Anh	9.8	9.00	6.75	9.00	KK Ngữ văn
2	V B 0890	Tạ Thị Yến Vân	26/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	8.3	6.75	4.25	4.20	
3	V D 0891	Mã Thị Thảo Vi	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	9.0	7.50	3.50	5.10	
4	T C 0892	Nguyễn Trường Vi	13/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	9.7	6.50	5.00	5.60	
5	H K 0893	Lê Trung Vĩ	15/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Hóa học	8.6			6.00	4.25	4.60	
6	B K 0894	Nguyễn Ngọc Hùng Vĩ	13/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.9			7.75	8.00	5.10	Ba Lịch sử
7	T C 0895	Bùi Khánh Việt	23/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Khuyến, Ipa	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	8.6	7.25	9.00	6.60	
8	T C 0896	Lê Nam Việt	29/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	8.9	7.25	6.25	3.60	
9	A V 0897	Lưu Thảo Vinh	25/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.7	8.50	7.50	8.90	
10	A D 0898	Nguyễn Thành Vinh	03/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	8.8	6.25	7.00	7.90	
11	H K 0899	Nguyễn Thành Vinh	25/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Iagrai	T	T	K	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2			6.50	6.00	5.00	
12	H K 0900	Nguyễn Võ Quang Vinh	16/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Hóa học	8.7			6.00	3.50	4.70	
13	H C 0901	Phùng Thanh Vinh	07/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Hóa học	8.8	Tin học	8.3	7.00	5.25	3.70	
14	T C 0902	Hồ Nhất Vũ	01/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.5	6.75	5.75	3.20	
15	T C 0903	Lê Trương Hoàng Vũ	18/08/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	8.9	6.75	9.00	4.50	
16	L C 0904	Nguyễn Anh Vũ	01/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.0	Tin học	9.4	8.00	7.25	6.50	
17	D K 0905	Biện Hoàng Tường Vy	22/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Địa lí	7.8			6.75	2.75	2.30	
18	A K 0906	Đỗ Nguyễn Hà Vy	01/11/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			7.25	8.25	8.60	
19	A K 0907	Hồ Ngọc Thảo Vy	11/12/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			7.00	4.00	9.10	
20	A V 0908	Hồ Phương Vy	23/02/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.6	7.25	5.75	8.10	
21	V D 0909	Lê Nguyễn Nhật Vy	16/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	8.7	7.75	3.25	3.10	
22	D K 0910	Lương Hạ Vy	08/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, KôngChro	K	T	K	T	K	T	T	T	Địa lí	8.9			5.75	3.75	5.40	Ba Địa lí
23	A H 0911	Nguyễn Hải Vy	01/05/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Hóa học	9.2	7.00	4.50	7.20	
24	V L 0912	Nguyễn Lý Bảo Vy	03/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	K	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5	Vật lí	7.7	7.00	6.75	4.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khách Tô Toàn Khanh
Nguyễn Thị Thanh
Nguyễn Thị Thanh

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 37

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải thưởng
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A D 0865	Lưu Ngọc Vỹ	Tường	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.4	7.25	5.00	8.40	
2	L K 0866	Ngô Ngọc Cát	Tường	19/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2			6.50	5.75	3.70	
3	H K 0867	Dương Thanh	Tuyền	11/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.8			8.00	8.00	9.60	
4	V K 0868	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	03/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chưprông	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4			8.00	6.00	5.70	
5	D K 0869	Phan Thị Thanh	Tuyền	26/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	9.2			8.00	5.75	5.10	
6	B V 0870	Võ Ngô Thanh	Tuyền	19/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.8	Ngữ văn	9.2	8.00	6.50	7.30	Ba Lịch sử
7	A V 0871	Nguyễn Phước Ánh	Tuyết	14/12/2010	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.0	7.50	4.00	7.40	
8	A K 0872	Lê Văn Quốc	Uy	09/03/2010	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			5.25	6.75	8.50	
9	H C 0873	Phạm Đắc	Uy	28/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.0	Tin học	8.7	7.00	7.00	6.80	
10	V K 0874	Bùi Dương Tú	Uyên	04/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			7.25	2.50	7.70	
11	H A 0875	Bùi Nguyễn Thục	Uyên	23/10/2010	Nữ	Kinh	Kon Tum	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2	Tiếng Anh	8.2	8.00	8.25	7.60	
12	A V 0876	Đào Ngọc Phương	Uyên	23/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	7.9	7.50	7.50	9.60	
13	S K 0877	Hà Phương	Uyên	15/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.3			6.25	6.75	5.10	KK Sinh học
14	T C 0878	Huỳnh Nhật Phương	Uyên	30/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.2	7.50	7.00	7.50	
15	V B 0879	Huỳnh Thị Thảo	Uyên	28/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	8.9	8.25	4.25	4.60	
16	V D 0880	Lưu Nhã	Uyên	06/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.4	8.75	4.25	5.70	
17	L K 0881	Lý Nhã	Uyên	07/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2			6.00	6.25	8.20	
18	V A 0882	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	01/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Tiếng Anh	8.9	7.25	4.50	5.90	
19	V K 0883	Nguyễn Phương	Uyên	27/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.6			7.25	7.50	8.40	Ba Ngữ văn
20	B K 0884	Phan Lê Khánh	Uyên	18/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	K	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.7			7.75	6.00	3.70	
21	H C 0885	Trần Đặng Phương	Uyên	05/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.0	Tin học	8.6	8.25	7.75	5.70	
22	A K 0886	Trần Hoàng Thu	Uyên	02/06/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			7.50	3.50	9.00	KK Tiếng Anh
23	A K 0887	Văn Hải	Uyên	14/11/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			9.00	5.00	9.00	
24	V D 0888	Vũ Khả	Uyên	11/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.2	8.25	6.00	4.40	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Toàn Khanh
Uyên
Uyên
Uyên

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 36

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0841	Ngô Thị Mai	Trang	23/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			7.25	6.25	9.80	
2	H K 0842	Nguyễn Ngọc	Trang	20/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5			7.75	7.50	7.80	
3	D K 0843	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.4			8.00	4.75	7.30	
4	V K 0844	Vũ Thùy	Trang	31/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.1			8.00	3.50	4.10	
5	C T 0845	Đình Hữu	Trí	25/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tin học	7.7	Toán	9.1	6.00	7.00	6.30	
6	A D 0846	Dương Đình	Trí	06/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.6	7.25	7.00	9.10	
7	A T 0847	Huỳnh Việt	Triết	06/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Toán	9.7	8.25	9.00	9.80	
8	T C 0848	Nguyễn Đăng	Triệu	14/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Toán	9.5	Tin học	8.9	1.75	8.75	7.60	
9	B A 0849	Tô Đình	Triệu	12/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	9.2	Tiếng Anh	9.2	7.00	5.50	8.40	
10	H K 0850	Hà Thùy	Trinh	22/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5			6.25	7.25	8.50	
11	C T 0851	Phạm Thị Tuyết	Trinh	04/03/2010	Nữ	Kinh	Kon Tum	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2	Toán	9.5	8.00	7.75	7.30	
12	B V 0852	Huỳnh Thùy	Trúc	01/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1	Ngữ văn	7.7	7.25	6.00	7.50	
13	B K 0853	Nguyễn Phan Thanh	Trúc	08/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2			7.00	5.00	6.80	
14	H K 0854	Nguyễn Thanh	Trúc	05/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3			8.00	8.25	7.90	
15	H T 0855	Nguyễn Lê	Trung	09/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Hóa học	8.5	Toán	9.0	4.50	8.25	8.00	
16	T C 0856	Nguyễn Thành	Trung	06/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.3	7.00	8.75	7.90	
17	V S 0857	Võ Minh	Trung	01/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Sinh học	7.9	6.00	5.25	5.70	
18	A K 0858	Lê Anh	Tuấn	20/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	IaLy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			6.50	5.75	8.80	
19	T C 0859	Trần Bá	Tuấn	31/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.4	7.50	10.00	8.90	Nhi Toán
20	T C 0860	Trần Hoàng	Tuấn	07/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	8.1	7.25	9.75	8.70	
21	B A 0861	Lại Gia	Tuệ	19/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Lịch sử	7.8	Tiếng Anh	9.0	6.00	3.50	4.30	
22	A K 0862	Nguyễn Thanh	Tùng	22/08/2010	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	Hùng Vương, IaGra	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			6.50	7.50	7.40	
23	T K 0863	Đỗ Hoàng Duy	Tường	12/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Toán	8.9			4.50	6.00	3.50	
24	T C 0864	Lê Cát	Tường	27/05/2010	Nữ	Kinh	Phú Yên	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Toán	7.8	Tin học	9.0	4.50	3.00	3.10	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Toàn Khanh
Võ Ngọc Long
Xuân Thủ
M. Hồ Văn Đạt

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 35

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C D 0817	Hồ Tú	Trâm	07/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.3	Địa lí	8.9	7.00	6.75	8.10	
2	A D 0818	Ngô Bảo	Trâm	17/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	K	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	7.3	Địa lí	8.3	7.25	4.00	7.20	
3	A V 0819	Nguyễn Ngọc	Trâm	13/04/2010	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	8.50	7.75	9.20	
4	V K 0820	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	24/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ialy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4			6.75	5.75	4.80	Ba Ngữ văn
5	V D 0821	Tô Huỳnh Bảo	Trâm	12/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	8.3	7.00	3.25	2.40	
6	V K 0822	Trần Bích	Trâm	20/08/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			7.00	4.25	2.90	
7	A V 0823	Trần Huỳnh Ngọc	Trâm	25/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.9	8.25	8.25	9.40	
8	V K 0824	Trần Lê Ngọc	Trâm	02/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.4			5.75	2.50	3.10	
9	V K 0825	Trần Thị Bích	Trâm	31/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.6			7.50	3.00	6.70	Ba Ngữ văn
10	V K 0826	Võ Hà Bảo	Trâm	26/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2			8.50	7.00	8.60	
11	S K 0827	Huỳnh Phan Phương	Trân	12/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.3			8.00	8.50	6.80	
12	V K 0828	Lê Mỹ	Trân	22/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.1			6.75	4.00	4.80	
13	A B 0829	Nguyễn Bảo	Trân	26/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.3	Lịch sử	9.0	6.25	4.50	6.30	
14	V K 0830	Nguyễn Bảo Ngọc Quỳnh	Trân	09/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	8.5			7.25	2.25	5.00	
15	T C 0831	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	19/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.2	7.00	9.00	8.90	KK Toán
16	D K 0832	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	12/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.9			6.50	7.00	7.30	Nhất Địa lí
17	L C 0833	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	26/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	7.6	Tin học	9.1	5.75	8.25	8.30	
18	V B 0834	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	05/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	7.9	7.00	5.25	4.60	
19	A V 0835	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	15/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.0	8.00	6.50	9.00	
20	V A 0836	Phan Nguyễn Huyền	Trân	19/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Tiếng Anh	9.1	7.50	6.75	5.80	
21	H S 0837	Trần Bảo	Trân	04/02/2010	Nữ	Kinh	Nam Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.6	Sinh học	8.6	6.50	6.00	6.40	
22	L C 0838	Trần Hoài	Trân	21/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.6	Tin học	8.6	5.50	6.50	3.80	
23	L K 0839	Trương Ngọc Bảo	Trân	29/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Vật lí	8.3			7.50	2.50	3.80	
24	D K 0840	Lê Thị Thảo	Trang	19/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	9.3			7.75	4.50	3.50	

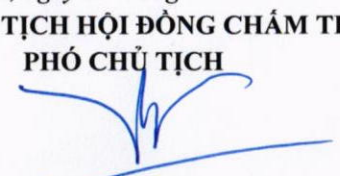
(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 34

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	D K 0793	Đinh Thân Thủy Tiên	26/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.5			7.00	6.75	4.60	
2	V K 0794	Dương Ngọc Thủy Tiên	04/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.2			8.50	8.00	6.60	
3	T C 0795	La Thục Ánh Tiên	11/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	8.7	8.00	8.75	7.50	
4	L C 0796	Lâm Anh Cát Tiên	27/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Vật lí	8.5	Tin học	9.2	6.75	7.50	5.80	
5	C V 0797	Mai Thủy Tiên	17/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.3	Ngữ Văn	8.5	6.50	6.75	6.20	
6	V B 0798	Nguyễn Lưu Cát Tiên	07/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.3	Lịch sử	9.6	8.75	6.00	8.20	
7	H A 0799	Nguyễn Trần Mai Tiên	22/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1	Tiếng Anh	8.2	7.75	5.25	6.80	
8	S K 0800	Phan Đình Thị Tiên	14/03/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.1			8.00	7.75	6.00	
9	V C 0801	Đinh Thị Hồng Tiên	27/08/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.1	Tin học	9.1	7.50	6.50	4.40	
10	H C 0802	Lê Anh Tiến	21/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Hóa học	8.9	Tin học	9.8	6.25	6.25	5.50	
11	L C 0803	Vũ Việt Tiến	20/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.1	Tin học	9.0	5.00	4.50	6.80	
12	T H 0804	Lê Xuân Tiếp	02/08/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.0	Hóa học	8.9	6.50	6.25	9.10	
13	T C 0805	Nguyễn Đức Tín	19/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.6	Tin học	9.1	5.50	6.25	7.70	
14	T C 0806	Nguyễn Tấn Tín	19/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.2	6.50	7.75	9.30	
15	A T 0807	Trần Trọng Tín	28/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Toán	8.4	3.50	5.75	7.40	
16	A D 0808	Đặng Công Tính	26/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Địa lí	9.5	7.00	6.75	9.10	
17	L C 0809	Lê Ngọc Tính	24/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	K	T	T	K	T	T	T	T	Vật lí	9.3	Tin học	8.8	5.50	5.25	7.00	
18	B V 0810	Đặng Xuân Toàn	26/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.8	Ngữ văn	9.0	8.25	8.00	6.90	Nhi Lịch sử
19	L A 0811	Dương Minh Toàn	22/02/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.6	Tiếng Anh	8.6	5.25	6.25	7.70	
20	H K 0812	Lê Anh Toàn	03/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1			7.50	6.75	6.10	
21	A K 0813	Huỳnh Thanh Trà	06/04/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			7.00	5.25	8.90	
22	A D 0814	Bùi Huyền Nhã Trâm	05/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	9.0	8.25	6.50	8.30	
23	A K 0815	Đậu Lê Huyền Trâm	23/12/2010	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			7.25	6.75	9.40	
24	C V 0816	Dương Trần Thùy Trâm	26/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Tin học	8.9	Ngữ Văn	8.7	6.25	1.00	2.10	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Toàn / Khánh
Quê Trà Lũ Đông Hải
Quê Lê Thị Thanh Hương
Thị Phạm Thị Ngọc Hân

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 33

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	D K 0769	Nguyễn Đặng Anh	Thư	31/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	8.7			7.00	3.50	5.10	
2	A V 0770	Nguyễn Đức	Thư	05/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	7.8	8.25	4.50	8.90	
3	V K 0771	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	09/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.6			7.75	5.25	8.70	
4	S V 0772	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	31/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.4	Ngữ văn	8.2	6.50	3.50	7.10	
5	T C 0773	Nguyễn Trang	Thư	29/11/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Quang Trung, Kông Chro	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.2	Tin học	8.6	6.75	5.50	5.20	
6	A V 0774	Trần Anh	Thư	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.2	7.50	6.00	7.90	
7	C T 0775	Võ Anh	Thư	18/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Hiền, Đức Cơ	K	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.4	Toán	7.8	6.50	6.25	5.90	
8	V D 0776	Võ Ngọc Minh	Thư	10/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	9.4	8.75	6.00	7.10	
9	V K 0777	Vũ Ngọc Anh	Thư	12/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7			5.75	6.25	5.10	
10	T H 0778	Trần Bảo	Thuận	01/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Hóa học	9.5	7.00	9.00	8.10	
11	V B 0779	Đỗ Hoài	Thương	08/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2	Lịch sử	9.5	9.00	6.75	6.50	
12	A K 0780	Lê Hoài	Thương	05/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.1			7.00	6.75	6.30	
13	V B 0781	Mai Hà	Thương	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Lịch sử	9.1	8.25	6.25	4.40	
14	L K 0782	Trương Thị Hoài	Thương	17/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.3			4.50	4.00	2.90	
15	V D 0783	Hoàng Thị Phương	Thúy	18/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.6	8.50	7.00	6.60	
16	V B 0784	Nguyễn Phương	Thúy	19/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Lịch sử	9.3	8.50	5.25	6.90	
17	A K 0785	Nguyễn Phương	Thùy	18/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Cao Bá Quát, Chư Sê	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.25	6.75	9.00	KK Tiếng Anh
18	A K 0786	Đậu Lê Bích	Thúy	20/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			7.50	5.25	8.70	
19	A K 0787	Hoàng Ngọc Thu	Thúy	25/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			8.50	6.75	9.40	
20	L K 0788	Đoàn Lê Khánh	Thy	01/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ianhin, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.0			4.75	5.50	3.90	
21	A V 0789	Ksor Bùi Khánh	Thy	31/10/2010	Nữ	Jarai	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.2	5.00	4.25	5.40	
22	A T 0790	Lê Bảo	Thy	03/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Đình Chinh, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Toán	9.9	6.00	4.00	4.90	
23	V D 0791	Trương Nguyễn Bảo	Thy	15/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.4	8.50	6.75	7.20	
24	B K 0792	Võ Nguyễn Đan	Thy	10/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.4			8.25	2.75	5.10	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Toàn Khanh
Quê Trà Lũ Đông Hải
Lê Thị Thanh Hương
Phạm Thị Ngọc Hà

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 32

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L K 0745	Ngô Ngọc Thành	30/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.3			5.75	4.50	2.00	
2	T C 0746	Nguyễn Minh Thành	26/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Ialy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.3	5.75	9.25	7.90	KK Toán
3	C T 0747	Trần Châu Ngọc	19/04/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	K	K	K	T	T	T	K	T	Tin học	9.2	Toán	6.9	5.50	7.00	6.30	
4	A T 0748	Võ Phú	10/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.9	Toán	7.4	5.75	6.75	8.40	
5	A V 0749	Chu Lê Phương	25/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	9.0	7.50	6.75	9.80	
6	S K 0750	Đinh Ngọc Hương	09/02/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Quang Trung, Kông Chro	K	T	K	T	K	T	K	T	Sinh học	8.5			6.50	4.25	2.30	
7	A K 0751	Nguyễn Phương	06/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			6.00	2.50	9.00	
8	A K 0752	Nguyễn Thị Hồ Như	28/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			5.25	6.00	8.40	
9	L K 0753	Phạm Hương	22/09/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2			7.50	7.00	5.70	
10	T A 0754	Trần Phương	14/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Toán	8.6	Tiếng Anh	8.0	5.50	7.00	7.50	
11	V A 0755	Phan Hoàng Bảo	13/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	IaNhin, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Tiếng Anh	8.3	8.00	3.25	2.50	
12	T C 0756	Hà Nhật	21/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	9.7	5.75	7.25	7.20	
13	H K 0757	Mai Hoàng Minh	20/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Hóa học	8.7			7.00	7.00	3.80	
14	C K 0758	Bùi Nguyễn Quốc	29/11/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.5			7.25	6.75	6.60	
15	A K 0759	Nguyễn Trường	13/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			6.75	5.00	8.50	
16	T C 0760	Thắm Tuấn	23/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Tin học	8.7	5.50	8.50	5.80	
17	D C 0761	Nguyễn Võ Trường	07/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.0	Tin học	8.4	6.00	5.25	5.70	
18	T C 0762	Lê Minh	03/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Tin học	8.2	5.75	9.00	4.10	
19	B K 0763	Trần Hưng	14/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			5.75	3.50	6.90	
20	C K 0764	Đặng Lê Bảo	19/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Tin học	8.6			6.75	5.50	4.70	
21	V K 0765	Đỗ Lê Anh	04/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7			7.50	3.75	8.00	
22	C D 0766	Hà Ngọc Anh	02/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tin học	8.0	Địa lí	7.6	5.25	6.75	2.90	
23	A K 0767	Hồ Anh	30/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			6.75	6.75	7.90	
24	B C 0768	Ngô Khánh	04/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.5	Tin học	9.1	6.00	3.50	7.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Toán Khanh
Qu Tiến Lê Đình Hải
Lệ Nguyễn Lê Thị Thanh Hương
M - Phạm Thị Ngọc Hà

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 31

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C K 0721	Nguyễn Ngô Trung	Son	04/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	K	K	T	T	T	K	T	Tin học	9.2			5.00	5.75	4.40	
2	C B 0722	Trần Minh	Son	25/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tin học	8.7	Lịch sử	8.7	5.50	2.25	2.50	
3	H C 0723	Đoàn Thị Cẩm	Sương	02/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Chư Pưh	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3	Tin học	8.8	7.00	7.00	3.30	KK Hóa học
4	H T 0724	Bùi Quang Anh	Tài	09/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.8	Toán	9.5	6.50	8.50	8.30	Ba Hóa học
5	B V 0725	Nguyễn Trí	Tài	14/05/2010	Nam	Kinh	Đồng Nai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.5	Ngữ văn	8.8	7.75	5.75	4.70	
6	C D 0726	Trương Đức	Tài	30/12/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Tin học	8.4	Địa lí	9.4	7.00	4.00	3.30	KK Địa lí
7	H K 0727	Bạch Thị Mỹ	Tâm	10/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3			7.25	7.00	2.70	
8	H K 0728	Lê Minh	Tâm	19/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.6			7.75	8.00	8.90	KK Hóa học
9	T C 0729	Mai Thanh	Tâm	16/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.2	7.50	7.75	6.10	
10	A K 0730	Ngô Duy Minh	Tâm	25/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Yaly, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			6.00	6.50	9.00	KK Tiếng Anh
11	H K 0731	Nguyễn Nhật	Tâm	13/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Hóa học	8.9			6.50	6.25	6.50	KK Hóa học
12	T K 0732	Nguyễn Ngọc	Tân	27/04/2010	Nam	Kinh	Phú Yên	Nguyễn Bình Khiêm, Krông Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7			4.00	9.75	6.10	
13	C K 0733	Bùi Nguyễn Quốc	Thái	29/11/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.3			8.00	7.00	8.40	
14	B A 0734	Đỗ Quốc	Thái	26/07/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trưng Vương, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.6	Tiếng Anh	8.9	6.00	4.25	6.30	
15	T C 0735	Phạm Lê Quốc	Thái	01/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	9.1	7.50	6.50	5.30	
16	C T 0736	Cái Ngọc Toàn	Thắng	09/12/2010	Nam	Kinh	Quảng Nam	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.3	Toán	9.2	6.50	6.50	4.80	
17	C K 0737	Dương Minh	Thắng	12/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tin học	9.2			6.50	6.25	7.30	
18	T C 0738	Nguyễn Quang	Thắng	23/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	8.3	7.00	7.00	4.70	
19	H A 0739	Đỗ Nguyễn Vy	Thanh	28/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Hóa học	8.1	Tiếng Anh	8.4	6.00	3.25	5.60	
20	B K 0740	Lê Hoài	Thanh	11/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.4			8.75	6.00	6.30	
21	V A 0741	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	08/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	8.6	7.75	5.50	7.50	
22	V K 0742	Trần Phương	Thanh	13/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.0			7.00	4.00	2.40	
23	V D 0743	Trần Thị Ngọc	Thanh	10/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.7	8.75	4.00	4.20	Ba Địa lí
24	C L 0744	Lê Tiến	Thành	01/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Tin học	8.0	Vật lí	7.3	7.00	7.75	7.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Tuấn Khanh
Đỗ Văn Lê Đình Hải
Lê Thị Thanh Hương
Phạm Thị Ngọc Hà

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 30

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	T C 0697	Nguyễn Dương	Quân	16/08/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.8	Tin học	8.6	7.50	7.50	7.20	
2	L C 0698	Nguyễn Hồng	Quân	14/01/2010	Nam	Kinh	Bình Định	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.7	Tin học	9.2	7.00	4.75	3.80	
3	S K 0699	Trần Huỳnh Minh	Quân	29/12/2009	Nam	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.6			7.25	6.75	7.80	
4	C D 0700	Trịnh Nhật	Quang	20/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.8	Địa lí	8.6	6.50	6.75	2.40	
5	T C 0701	Nguyễn Anh	Quý	09/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Toán	8.3	Tin học	8.8	4.25	5.25	1.90	
6	H S 0702	Nguyễn Cảnh	Quý	13/12/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	K	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.6	Sinh học	9.6	5.00	5.25	5.20	
7	L C 0703	Nguyễn Văn	Quý	08/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.6	Tin học	9.9	7.75	8.75	4.80	
8	A D 0704	Cao Bảo	Quyên	30/08/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	8.9	7.50	4.50	8.60	
9	H C 0705	Cù Minh	Quyên	24/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.3	Tin học	7.6	5.50	4.75	4.70	
10	A T 0706	Hà Thục	Quyên	04/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Toán	8.7	7.75	7.50	9.50	
11	S V 0707	Lê Hoàng	Quyên	12/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.5	Ngữ văn	8.0	6.75	3.75	4.30	
12	V D 0708	Mai Hoàng Ái	Quyên	24/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.3	Địa lí	8.9	6.25	2.75	4.50	
13	H C 0709	Nguyễn Thị	Quyên	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Hóa học	8.5	Tin học	8.1	7.00	6.25	2.90	
14	A V 0710	Trần Ngô Thục	Quyên	29/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Sao Việt, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.0	6.75	5.25	7.80	
15	A K 0711	Nguyễn Hồng	Quyên	15/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	9.7			5.75	4.75	8.70	
16	V B 0712	Ngô Ngọc	Quỳnh	21/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Lịch sử	9.3	7.75	6.75	8.00	
17	D V 0713	Nguyễn Như	Quỳnh	30/08/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.7	Ngữ văn	8.7	7.25	2.50	2.40	
18	B A 0714	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	23/12/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2	Tiếng Anh	9.6	7.00	6.75	8.70	
19	A V 0715	Phạm Ngọc	Quỳnh	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	8.7	7.00	5.25	9.30	
20	V S 0716	Phan Như	Quỳnh	25/03/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Sinh học	7.7	6.25	5.25	3.90	
21	A V 0717	Văn Thị Khánh	Quỳnh	07/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.3	7.75	6.25	9.00	
22	T C 0718	Đặng Quang	Sang	29/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	8.9	3.50	6.50	8.50	
23	T C 0719	Mai Bùi Tấn	Sang	24/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.7	7.25	8.50	7.90	
24	H K 0720	Nguyễn Văn Tiến	Sang	23/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.0			7.00	4.50	4.40	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Khánh Tô Tuấn Khanh
Trần Thị Ngọc Hà
Lê Thị Thanh Hương
Phạm Thị Ngọc Hà

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 29

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A V 0673	Đỗ Hoàng	Phúc	22/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.8	8.00	7.50	8.30	
2	T C 0674	Nguyễn Cao Gia	Phúc	13/11/2010	Nam	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	9.1	4.50	6.50	4.00	
3	T C 0675	Nguyễn Hồ Đức	Phúc	20/09/2010	Nam	Kinh	Nghệ An	Quang Trung, Đức Cơ	K	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.2	5.00	6.50	3.90	
4	T C 0676	Nguyễn Phạm Duy	Phúc	05/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Toán	8.9	Tin học	9.3	4.25	6.00	3.50	
5	C V 0677	Thiều Tấn	Phúc	08/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Tin học	8.7	Ngữ Văn	8.9	7.00	4.25	1.70	
6	S K 0678	Võ Lê Minh	Phước	19/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	K	K	T	K	T	K	T	Sinh học	7.2			5.50	2.00	3.00	
7	B K 0679	Lã Thảo	Phương	31/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	7.9			7.25	4.50	3.10	
8	L K 0680	Lê Đan	Phương	16/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.8			7.75	6.00	8.10	
9	T H 0681	Lê Thị Hoài	Phương	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Hóa học	9.0	5.75	9.75	7.50	KK Toán
10	C K 0682	Nguyễn Minh	Phương	14/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.4			7.50	6.50	5.90	
11	L S 0683	Nguyễn Phan Hoài	Phương	14/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2	Sinh học	9.2	8.25	7.00	8.20	
12	A V 0684	Nguyễn Phương	Phương	29/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.0	6.50	3.50	6.90	
13	T C 0685	Nguyễn Quỳnh	Phương	31/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	IaNhin, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.0	6.25	7.25	1.90	
14	V K 0686	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2			9.00	4.50	4.90	KK Ngữ văn
15	H T 0687	Nguyễn Thị Thu	Phương	07/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.7	Toán	9.0	6.75	7.50	7.10	
16	D K 0688	Phan Ngọc Nhã	Phương	01/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.8			6.75	7.00	8.10	KK Địa lí
17	D A 0689	Trần Hà Yến	Phương	14/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	K	T	T	T	T	Địa lí	8.4	Tiếng Anh	7.2	5.75	6.00	5.30	
18	A V 0690	Trần Ngọc Hiếu	Phương	24/04/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.7	7.50	6.75	9.70	KK Tiếng Anh
19	D V 0691	Vũ Lê Hoàng	Phương	13/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.6	Ngữ văn	8.5	7.50	4.75	6.30	
20	A K 0692	Vũ Thị Diễm	Phương	06/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			Vắng	Vắng	Vắng	Ba Tiếng Anh
21	L T 0693	Hoàng Lê Mạnh	Quân	10/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.4	Toán	9.0	5.00	7.25	5.90	
22	C T 0694	Lê Minh	Quân	08/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tin học	8.7	Toán	9.1	5.75	6.00	5.30	
23	B K 0695	Lê Tư Hoàng	Quân	02/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Lịch sử	8.2			5.50	5.75	2.80	
24	S V 0696	Nguyễn Bảo	Quân	23/09/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Sinh học	7.8	Ngữ văn	7.1	6.50	3.25	4.70	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Thị Thanh Hương
Nguyễn Thị Thanh Hương
Phạm Văn Loan
Phạm Lê Thị Lan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 28

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L K 0649	Thái Quỳnh	Như	12/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.9			7.00	8.50	7.80	
2	A V 0650	Thân Phan Quỳnh	Như	31/01/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.0	6.75	5.50	7.90	
3	A H 0651	Trần An	Như	17/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Hóa học	8.2	6.50	4.75	7.90	
4	V D 0652	Võ Quỳnh	Như	04/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	K	T	T	K	T	Ngữ văn	8.1	Địa lí	8.8	6.50	2.50	4.10	
5	B K 0653	Hà Thị Cẩm	Nhung	21/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.9			6.75	4.25	2.60	
6	T C 0654	Bùi Phạm Cẩm	Ny	13/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.9	Tin học	9.5	6.50	7.00	5.90	
7	T H 0655	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	11/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Hóa học	9.1	7.00	10.00	7.30	KK Toán
8	T C 0656	Đào Trịnh	Phát	20/01/2010	Nam	Kinh	Quảng Nam	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Tin học	8.6	6.75	8.75	6.60	
9	T C 0657	Hoàng Hưng	Phát	30/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Toán	8.9	Tin học	8.2	5.00	6.75	6.00	
10	T K 0658	Lê Anh	Phát	27/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3			5.25	9.25	8.10	KK Toán
11	V B 0659	Ngô Lê Gia	Phát	30/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	7.1	Lịch sử	8.9	5.75	4.50	4.20	
12	H A 0660	Nguyễn Hoàng	Phát	24/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.9	Tiếng Anh	9.8	8.50	7.75	9.30	KK Hóa học
13	C K 0661	Nguyễn Hồng	Phát	05/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.6			7.00	4.25	6.40	
14	D K 0662	Nguyễn Tấn	Phát	06/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng, Chư Păh	K	T	K	T	T	T	K	T	Địa lí	9.1			3.75	0.50	4.40	
15	L K 0663	Nguyễn Thịnh	Phát	25/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.9			5.75	5.75	6.80	
16	A K 0664	Mai Anh	Phi	12/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			6.25	5.75	8.90	
17	L K 0665	Mai Nam	Phong	23/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.4			6.75	9.75	8.70	Nhất Vật lí
18	L T 0666	Vũ	Phong	15/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.7	Toán	9.5	5.25	8.00	3.30	
19	B K 0667	Đỗ An	Phú	18/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.5			5.00	0.00	3.80	
20	A K 0668	Đỗ Gia	Phú	05/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	IaLy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			5.50	8.75	8.80	KK Tiếng Anh
21	A K 0669	Đoàn Kim	Phú	01/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.4			5.50	6.75	6.50	
22	H S 0670	Hoàng Gia	Phú	23/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.7	Sinh học	9.7	4.50	3.75	2.60	
23	T C 0671	Lê Mai Gia	Phú	04/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.7	Tin học	8.4	7.00	8.75	8.20	
24	H T 0672	Nguyễn An	Phú	15/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Cao Bá Quát, Chư Sê	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3	Toán	8.5	6.50	7.75	4.00	KK Hóa học

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

Thư Nguyễn Thị Thanh Hương
Lưu Phan Yên Loan
Phạm Thị Lan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 27

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0625	Nguyễn Yến Nhi	14/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			8.25	6.00	7.50	
2	B K 0626	Phạm Thị Quỳnh Nhi	24/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1			7.00	4.75	5.10	
3	S H 0627	Phạm Vũ An	23/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.7	Hóa học	8.7	7.00	6.50	8.20	
4	T C 0628	Phan Đào Tuệ	18/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.0	7.50	8.75	7.80	
5	A K 0629	Trần Lê Bảo	17/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	10.0			7.00	7.75	9.60	Ba Tiếng Anh
6	V K 0630	Trần Nguyễn Thảo	25/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2			8.00	3.50	5.70	
7	V K 0631	Trần Nguyên Ý	05/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5			7.50	5.25	5.20	
8	A K 0632	Trương Yến	08/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			6.00	3.25	9.10	
9	H A 0633	Võ Ngọc Bảo	25/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3	Tiếng Anh	8.6	6.25	4.25	4.90	
10	V K 0634	Nguyễn Thụy	21/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			7.00	4.25	4.30	
11	C K 0635	Dương Tâm	06/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tin học	8.6			5.00	7.00	3.80	
.	D K 0636	Hồ Quỳnh	12/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	8.2			6.50	5.00	4.80	
13	A B 0637	Huỳnh Ngọc Anh	08/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	8.8	Lịch sử	8.6	7.75	5.50	7.70	
14	L V 0638	Lê Bình Bảo	17/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.5	Ngữ văn	9.1	6.50	7.75	4.80	
15	V A 0639	Lê Nguyễn Quỳnh	02/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	9.8	7.75	5.25	6.60	
16	A D 0640	Nguyễn Đặng Quỳnh	04/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Địa lí	9.6	8.75	6.75	9.20	
17	H C 0641	Nguyễn Gia	06/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Chu Trinh, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	7.9	Tin học	8.4	4.75	1.75	2.80	
18	V D 0642	Nguyễn Lâm Quỳnh	22/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.8	Địa lí	8.9	8.00	5.25	6.50	
19	A V 0643	Nguyễn Quỳnh	24/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.6	8.50	3.00	8.60	
20	A K 0644	Nguyễn Thị Quỳnh	29/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			7.50	4.25	7.10	
21	C T 0645	Nguyễn Trần Gia	21/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.6	Toán	9.6	7.25	7.75	5.20	
22	V C 0646	Phạm Nguyễn Quỳnh	27/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.5	Tin học	8.7	9.00	8.00	7.90	
23	V K 0647	Phạm Trần Quỳnh	22/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9			8.50	5.00	4.80	
24	H C 0648	Phan Thanh	10/09/2010	Nữ	Kinh	Huế	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Hóa học	8.3	Tin học	7.9	4.75	2.50	4.40	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Trần Nguyễn Thị Thảo Hương
Phạm Yến Loan
Phạm Lê Thị Lan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 26

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tính
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L K 0601	Nguyễn Văn Thiện	Nhân	28/05/2010	Nam	Kinh	Quảng Nam	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Vật lí	7.6			4.25	4.75	3.00	
2	T C 0602	Thái Trung	Nhân	04/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.7	7.25	9.00	9.10	Ba Toán
3	A B 0603	Trịnh Xuân	Nhân	12/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Lịch sử	8.5	7.50	6.25	7.90	
4	T C 0604	Trương Trọng	Nhân	19/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Tin học	9.0	6.25	7.50	5.70	
5	T C 0605	Lê Minh	Nhật	29/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.3	7.75	9.50	9.30	
6	L T 0606	Nguyễn Lê Minh	Nhật	26/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.4	Toán	9.1	7.25	8.00	7.30	KK Vật lí
7	B K 0607	Võ Hoàng	Nhật	19/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	H'ra, Mang Yang	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			6.00	3.25	1.40	
8	A K 0608	Bùi Hoàng Uyên	Nhi	15/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			5.75	6.25	8.20	
9	T C 0609	Cù Trần Yến	Nhi	20/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	10.0	Tin học	9.4	8.00	8.75	4.50	KK Toán
10	T K 0610	Hồ Ngọc Uyên	Nhi	26/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.8			7.50	6.75	6.60	
11	H K 0611	Huỳnh Đặng Uyển	Nhi	10/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2			6.50	6.75	6.80	
12	D K 0612	Lâm Uyên	Nhi	07/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Địa lí	8.5			6.25	8.00	4.20	
13	V C 0613	Ngô Đặng Mai	Nhi	12/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Tin học	8.6	6.50	4.75	3.00	
14	A K 0614	Nguyễn Hà Thảo	Nhi	05/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			6.50	7.50	7.70	
15	B K 0615	Nguyễn Lê Phương	Nhi	02/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.6			4.00	4.25	3.80	
16	V K 0616	Nguyễn Ngọc Băng	Nhi	15/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.7			8.25	6.25	5.90	Nhi Ngữ văn
17	V K 0617	Nguyễn Ngọc Gia	Nhi	15/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.5			7.75	7.25	6.30	
18	B K 0618	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	12/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			7.75	4.50	5.80	
19	S K 0619	Nguyễn Ngọc Song	Nhi	12/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.5			7.50	6.25	7.90	
20	S V 0620	Nguyễn Phương	Nhi	09/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.4	Ngữ văn	8.1	8.00	8.25	3.80	
21	T C 0621	Nguyễn Phương	Nhi	27/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.0	Tin học	9.4	8.25	8.50	5.50	
22	L K 0622	Nguyễn Phương	Nhi	01/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.3			8.00	7.75	7.20	
23	L T 0623	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/03/2010	Nữ	Kinh	Bình Dương	Trưng Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.1	Toán	9.1	5.50	5.50	3.20	
24	V K 0624	Nguyễn Uyên	Nhi	15/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.3			8.00	2.75	2.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

Ths Nguyễn Thị Thanh Hương
Ths Nguyễn Thị Thanh Hương
Ths Phan Xuân Long
Ths Lê Thị Lan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	T C 0577	Nguyễn Hạ Thảo	Nguyễn	17/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.1	6.50	8.25	6.50	
2	A B 0578	Nguyễn Hoài	Nguyễn	06/05/2010	Nữ	Kinh	Hà Nội	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Lịch sử	9.0	6.50	6.75	8.40	
3	H K 0579	Nguyễn Hoàng Khôi	Nguyễn	04/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.6			5.00	2.75	2.10	
4	S V 0580	Nguyễn Minh	Nguyễn	11/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	Sinh học	8.8	Ngữ văn	8.1	7.50	7.25	5.00	
5	H K 0581	Nguyễn Nhật	Nguyễn	11/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chưprông	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3			6.25	6.75	6.80	KK Hóa học
6	V K 0582	Nguyễn Thảo	Nguyễn	12/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Ia Grai	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			6.75	4.25	4.70	
7	L C 0583	Tạ Minh	Nguyễn	15/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2	Tin học	9.0	6.75	8.25	7.00	
8	A K 0584	Trần Anh	Nguyễn	20/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			6.50	6.75	8.20	
9	L C 0585	Trần Đức Lê	Nguyễn	11/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Iagrai	K	K	K	K	T	T	T	Vật lí	8.4	Tin học	7.9	7.00	4.50	3.30	
10	A L 0586	Trần Hạnh	Nguyễn	03/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Vật lí	9.5	7.00	8.75	9.60	Ba Tiếng Anh
11	H A 0587	Võ Khôi	Nguyễn	18/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	9.2	5.75	7.75	9.00	
12	H K 0588	Trần Nguyễn Thanh	Nhân	29/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.9			8.00	6.75	5.70	
13	H K 0589	Bùi Đức	Nhân	21/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5			7.25	6.75	7.50	
14	T S 0590	Giao Quảng Hạnh	Nhân	03/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.2	Sinh học	9.7	8.00	9.50	7.70	Nhi Sinh học
15	D K 0591	Lê Thị Hoàng	Nhân	29/09/2010	Nữ	Thái	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	Địa lí	8.4			7.25	5.50	5.10	
16	L C 0592	Lưu Đại	Nhân	02/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	Vật lí	8.2	Tin học	8.6	6.00	3.00	5.10	
17	H K 0593	Nguyễn Anh	Nhân	25/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kôngchro	K	T	K	T	K	T	T	Hóa học	8.9			5.75	6.50	5.90	
18	A K 0594	Nguyễn Đức	Nhân	11/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			6.50	3.50	8.80	
19	H T 0595	Nguyễn Đức Trọng	Nhân	06/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Toán	9.0	6.75	7.75	8.10	
20	T C 0596	Nguyễn Hoàn	Nhân	16/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	K	T	Toán	7.6	Tin học	8.5	6.50	5.75	6.50	
21	D C 0597	Nguyễn Thiện	Nhân	06/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	Địa lí	8.8	Tin học	7.8	6.50	5.50	6.00	
22	S D 0598	Nguyễn Tiến	Nhân	07/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	K	T	T	T	K	T	K	Sinh học	9.1	Địa lí	8.4	7.25	3.00	3.00	
23	H K 0599	Nguyễn Trọng	Nhân	18/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.2			6.00	7.25	5.90	
24	T A 0600	Nguyễn Từ	Nhân	23/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tiếng Anh	9.1	6.25	8.00	8.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

Thị Nguyễn Thị Thanh Hoàng
Nguyễn Thị Thanh
Phạm Văn Loan
Phạm Thị Lan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH GIA LAI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 24

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V K 0553	Nguyễn Đỗ Châu Yến	Ngọc	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			8.75	7.00	6.30	
2	V A 0554	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Tiếng Anh	9.0	8.50	5.25	8.20	
3	A V 0555	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	7.7	8.00	3.00	8.80	
4	D K 0556	Nguyễn Như Khanh	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Địa lí	8.4			7.50	5.75	6.40	
5	B K 0557	Nguyễn Phương Khánh	Ngọc	Nữ	Kinh	Hà Nội	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.5			8.00	5.75	6.50	
6	S K 0558	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Sinh học	8.4			7.75	5.25	4.10	
7	T C 0559	Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	Phú Yên	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.3	6.75	7.00	6.60	
8	H K 0560	Phạm Hà Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Hóa học	8.3			7.50	4.75	4.10	
9	T L 0561	Siu Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Vật lí	9.2	8.25	7.50	8.30	Ba Toán
10	C K 0562	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.5			6.75	7.00	5.10	
11	H C 0563	Trần Minh	Ngọc	Nam	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	K	T	T	T	Hóa học	7.5	Tin học	9.3	6.25	2.75	3.30	
12	H K 0564	Trịnh Trần Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.5			8.50	6.25	6.00	
13	A H 0565	Võ Thị Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Hóa học	8.9	Vắng	Vắng	Vắng	
14	T C 0566	Mai Xuân	Ngữ	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, IaGraï	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	8.2	5.00	7.75	7.70	
15	H C 0567	Đặng Lương	Nguyễn	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2	Tin học	9.0	7.75	7.25	7.40	
16	H K 0568	Đinh Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.0			8.00	4.25	5.90	
17	H K 0569	Đinh Thị Trúc	Nguyễn	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4			8.25	7.50	8.80	
18	L C 0570	Đoàn Thanh	Nguyễn	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.3	Tin học	9.2	7.00	6.75	5.90	
19	H A 0571	Dương Thị Thảo	Nguyễn	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.7	Tiếng Anh	9.3	8.00	7.00	7.80	
20	H C 0572	Hoàng Lê Trung	Nguyễn	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Hóa học	9.0	Tin học	8.7	5.75	2.50	3.10	
21	T C 0573	Hoàng Mạnh	Nguyễn	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Tin học	9.4	7.75	7.25	6.90	
22	T S 0574	Hoàng Vũ Thảo	Nguyễn	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.1	Sinh học	8.6	6.25	4.75	5.50	
23	C D 0575	Lê Thảo	Nguyễn	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2	Địa lí	9.0	6.25	6.00	4.10	
24	C K 0576	Nguyễn Bắc	Nguyễn	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Tin học	9.2			7.25	5.25	5.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Thi Giang
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH GIA LAI
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 23

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A V 0529	Hoàng Ngọc Bảo	Ngân	31/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.3	7.25	4.00	9.30	
2	V K 0530	Lê Hạnh	Ngân	20/11/2010	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.7			7.00	3.75	3.60	
3	A K 0531	Lê Thị Phú	Ngân	11/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			5.75	4.00	8.90	
4	T C 0532	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	25/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Toán	8.7	Tin học	8.6	6.50	5.50	5.70	
5	L A 0533	Nguyễn Kim	Ngân	15/05/2010	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.0	Tiếng Anh	9.2	8.00	8.25	9.20	
6	L K 0534	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	07/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.3			6.75	7.25	4.10	
7	T C 0535	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Tin học	9.7	8.25	9.00	9.00	
8	V K 0536	Nguyễn Thị Minh	Ngân	23/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ialy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			7.25	6.00	4.00	Ba Ngữ văn
9	V D 0537	Phan Trần Thu	Ngân	31/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	8.5	9.00	3.75	4.30	
10	H K 0538	Trần Thị Mỹ	Ngân	19/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.4			7.50	7.00	6.40	
11	H K 0539	Võ Hoàng	Ngân	02/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3			9.00	7.00	9.50	
12	V L 0540	Vũ Thị Hoàng	Ngân	26/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Vật lí	7.6	6.00	2.50	5.40	
13	A V 0541	Lê Hoàng Phương	Nghi	28/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.7	7.50	5.50	7.50	
14	A K 0542	Nguyễn Lâm Hân	Nghi	19/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			6.00	3.75	8.60	
15	A K 0543	Nguyễn Phạm Hữu	Nghi	19/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.00	8.50	9.30	
16	C K 0544	Nguyễn Trung	Nghi	28/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.6			5.75	6.00	7.20	KK Tin học
17	L A 0545	Trương Đại	Nghi	05/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2	Tiếng Anh	9.4	5.25	5.75	5.60	
18	B K 0546	Bùi Bảo	Ngọc	01/02/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.4			3.50	0.75	3.70	
19	V K 0547	Hồ Ánh	Ngọc	22/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6			8.25	3.75	6.40	
20	A V 0548	Hồ Bảo	Ngọc	28/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.7	8.00	7.50	9.30	Ba Tiếng Anh
21	V C 0549	Lê Bảo	Ngọc	22/08/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Hùng Vương, Ia Grai	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Tin học	9.2	7.50	2.50	2.90	Ba Ngữ văn
22	L K 0550	Lê Khánh	Ngọc	28/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.1			7.25	7.00	7.70	
23	S K 0551	Lê Thị Bảo	Ngọc	30/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.6			7.25	5.50	5.90	
24	A K 0552	Ngô Thiên	Ngọc	13/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			7.00	3.75	8.60	Ba Tiếng Anh

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Thị Thuý Loan
Nguyễn Thị Huyền
Nguyễn Thị Huyền
Nguyễn Thị Huyền

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 22

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải thích
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0505	Nguyễn Hoàng Huyền My	10/01/2010	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Nguyễn Chí Thanh, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			6.50	7.00	9.10	
2	V K 0506	Nguyễn Huyền Thảo My	05/06/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Chu Văn An, Mang Yang	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			6.50	8.00	3.20	
3	A B 0507	Nguyễn Thị Hà My	25/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.5	Lịch sử	7.8	6.25	3.25	6.70	
4	A B 0508	Nguyễn Trần Hà My	21/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Lịch sử	8.9	7.25	4.50	9.40	
5	B V 0509	Tô Thị Thảo My	13/10/2010	Nữ	Kinh	Đắk Nông	Phạm Hồng Thái, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2	Ngữ văn	8.7	4.75	2.25	3.80	
6	A V 0510	Trần Hà My	05/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Ngữ văn	9.1	8.25	4.25	7.00	
7	S K 0511	Trần Hoàng Thảo My	05/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.9			7.50	7.00	6.60	
8	A V 0512	Trần Phan Thảo My	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.2	8.50	6.50	9.70	
9	V D 0513	Trần Võ Trà My	30/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.4	8.00	4.50	3.30	
10	L K 0514	Văn Nguyễn Khôi My	29/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	7.6			6.00	4.50	3.80	
11	S D 0515	Vũ Bảo Trà My	29/01/2010	Nữ	Kinh	Kon Tum	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	K	T	K	T	K	T	Sinh học	7.8	Địa lí	7.7	3.25	5.25	2.40	
12	D V 0516	Vũ Quỳnh My	05/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Địa lí	8.8	Ngữ văn	8.2	7.00	4.25	3.20	
13	T C 0517	Vũ Thị Trà My	31/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	9.2	7.25	9.00	2.20	
14	D K 0518	Lê Xê Lê Na	25/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Địa lí	9.2			7.00	1.50	3.70	
15	L S 0519	Đồng Thái Nam	24/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Sao Việt, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Vật lí	6.5	Sinh học	6.5	4.50	4.25	1.20	
16	A V 0520	Ngô Nhã Nam	09/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.9	7.75	5.50	9.20	
17	T K 0521	Nguyễn Duy Hoàng Nam	25/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Toán	8.6			7.50	5.75	2.20	
18	C K 0522	Nguyễn Hoàng Nam	24/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.7			7.00	7.75	8.20	Ba Tin học
19	C K 0523	Nguyễn Phương Nam	19/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Quý Đôn, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2			5.75	7.50	4.30	
20	T C 0524	Nhữ Nguyễn Hải Nam	24/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	9.2	6.50	10.00	7.70	
21	V C 0525	Dương Kiều Nga	29/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7	Tin học	8.6	7.75	5.00	4.00	
22	A V 0526	Đào Khánh Ngân	04/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	9.1	7.50	7.25	9.20	
23	A V 0527	Đỗ Kiều Ngân	07/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	7.2	5.00	0.75	5.50	
24	B K 0528	Dương Lê Bảo Ngân	20/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			6.25	3.25	2.90	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Thi Thuý Loan
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 21

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A T 0481	Hà Trần Quang	Minh	19/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.4	7.25	7.25	9.20	
2	A T 0482	Huỳnh Lê Anh	Minh	12/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Toán	8.8	7.00	8.00	9.00	
3	T C 0483	Lê Ngọc	Minh	08/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.3	7.75	8.00	8.30	
4	A D 0484	Lê Văn	Minh	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đắk Đoa	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	8.3	6.25	4.25	8.20	
5	B K 0485	Mai Bình	Minh	02/05/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.6			5.75	4.00	8.30	
6	L C 0486	Nguyễn Hoàng	Minh	16/12/2010	Nam	Kinh	Huế	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.5	Tin học	9.1	4.75	6.50	8.30	
7	A B 0487	Nguyễn Nhật	Minh	13/01/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	9.1	6.75	3.75	8.30	
8	H K 0488	Nguyễn Tiến	Minh	16/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.9			8.00	8.50	8.20	Nhi Hóa học
9	D K 0489	Phạm Nhật	Minh	06/04/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Địa lí	8.2			6.75	2.50	4.30	
10	B K 0490	Phan Thanh	Minh	18/04/2010	Nam	Bahnar	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.4			5.50	4.50	7.50	
11	H K 0491	Tăng Hoàng	Minh	01/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Ayunpa	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1			6.00	6.00	6.90	
12	T C 0492	Trần Bá Nhật	Minh	10/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.7	7.50	6.75	9.20	KK Toán
13	V D 0493	Trần Khải	Minh	05/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Địa lí	9.5	7.75	6.75	3.00	
14	B K 0494	Trần Nguyễn Nhật	Minh	04/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.1			5.00	0.75	3.50	
15	V K 0495	Trần Nguyệt	Minh	28/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5			5.75	3.25	5.00	
16	T C 0496	Trần Quang	Minh	10/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Toán	9.1	Tin học	8.2	5.25	6.50	4.50	
17	C K 0497	Trần Quang	Minh	01/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tin học	8.8			7.00	8.00	8.20	
18	A K 0498	Trần Trương Nhật	Minh	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Ayun Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.3			4.75	2.50	4.60	
19	V D 0499	Bùi Phan Hoàng	My	08/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	8.6	7.00	4.50	2.60	
20	A T 0500	Đào Vũ Thảo	My	16/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Toán	10.0	8.50	9.00	9.60	
21	C D 0501	Hán Thị Hà	My	17/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.1	Địa lí	9.5	8.50	7.50	5.60	KK Địa lí
22	A K 0502	Hoàng Ngọc Thảo	My	23/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Bình Khiêm, Krông Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9			5.50	6.75	9.30	KK Tiếng Anh
23	V K 0503	Lê Ngọc Khánh	My	20/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Ngữ văn	7.9			6.50	2.00	3.40	
24	T C 0504	Ngô Hà	My	31/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	8.8	7.75	8.00	7.40	

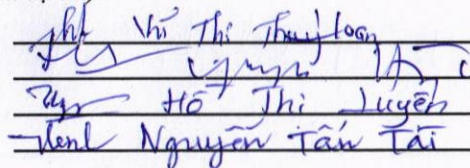
(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:


Phạm Thị Thi Giang
Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 20

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0457	Lê Hoàng Phi	Long	10/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4			7.75	2.50	7.10	
2	S K 0458	Mai Ngọc Bảo	Long	26/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Sinh học	7.8			7.00	2.00	3.10	
3	T A 0459	Nguyễn Đức	Long	22/06/2010	Nam	Kinh	Nam Định	Hải Anh, Nam Định	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tiếng Anh	8.8	7.25	9.00	7.20	
4	A K 0460	Nguyễn Phan Phi	Long	23/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, Krông Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			5.00	0.75	7.00	
5	T C 0461	Tăng Bá Thành	Long	28/01/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Hòa Phú, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.6	5.50	9.00	7.70	KK Toán
6	H A 0462	Trần Phan	Long	04/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Hóa học	8.8	Tiếng Anh	8.8	3.25	6.00	8.30	
7	L K 0463	Hà Đình	Lực	10/03/2010	Nam	Kinh	Hung Yên	Chu Văn An, Chưprông	T	T	T	T	T	T	K	T	Vật lí	7.9			5.75	8.25	4.50	KK Vật lí
8	T H 0464	Trần Đăng	Lưu	05/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Hóa học	9.4	7.00	7.75	8.80	
9	V K 0465	Cao Thị Khánh	Ly	14/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			6.75	3.00	3.60	
10	A V 0466	Nguyễn Thị Quỳnh	Ly	23/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.4	7.50	6.50	9.10	
11	S K 0467	Phạm Ngọc Khánh	Ly	23/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.2			7.00	5.75	4.90	
12	A V 0468	Phan Nguyễn Khánh	Ly	05/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Lợi, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.1	6.00	2.25	5.50	
13	B K 0469	Đặng Thanh	Mai	22/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.7			8.00	7.75	7.40	
14	V B 0470	Lê Nguyễn Thanh	Mai	04/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9	Lịch sử	9.2	8.50	7.00	7.50	
15	V K 0471	Nguyễn Thị Sương	Mai	08/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.5			8.00	7.50	7.40	Nhi Ngữ văn
16	H C 0472	Phạm Phương	Mai	16/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.3	Tin học	8.5	7.25	9.00	3.50	
17	V K 0473	Phan Thị Hồng	Mai	02/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.3			8.25	6.50	4.60	
18	T C 0474	Trần Phương	Mai	25/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	8.4	7.50	8.00	4.20	
19	T H 0475	Võ Thanh	Mai	13/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Hóa học	9.0	6.25	8.25	5.80	
20	T C 0476	Nguyễn Đào Đức Tiến	Mạnh	15/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	9.6	6.25	8.75	7.20	
21	C D 0477	Nguyễn Đức	Mạnh	19/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.0	Địa lí	9.4	8.00	8.00	4.60	
22	V B 0478	Phạm Thanh	Mây	01/01/2010	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Lịch sử	9.4	8.00	4.25	6.20	
23	H C 0479	Dương Quang	Minh	22/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Tin học	9.3	7.25	8.25	4.90	
24	A K 0480	Hà Nguyễn Đắc	Minh	05/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9			8.50	7.25	9.60	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Thi Giang
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 19

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	B V 0433	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	23/05/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.7	Ngữ văn	8.8	6.75	3.75	4.60	
2	D A 0434	Nguyễn Khánh	Linh	11/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	8.8	Tiếng Anh	6.8	6.75	3.00	3.10	
3	S K 0435	Nguyễn Nhật	Linh	20/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.1			7.00	3.00	3.30	
4	H K 0436	Nguyễn Phan Diệu	Linh	24/01/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Cừ, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.8			7.00	5.75	4.90	
5	S K 0437	Nguyễn Thị Khánh	Linh	20/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.0			7.75	4.00	4.50	
6	D V 0438	Nguyễn Trần Khánh	Linh	01/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.8	Ngữ văn	8.2	6.50	7.75	7.20	
7	A K 0439	Nguyễn Việt	Linh	23/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			7.50	3.50	7.10	
8	A H 0440	Phạm Lê Phương	Linh	13/02/2010	Nữ	Kinh	Thái Bình	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Hóa học	8.6	7.75	5.00	7.60	
9	V B 0441	Phạm Nguyễn Diệu	Linh	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Lịch sử	9.2	7.75	6.50	5.10	
10	V K 0442	Phạm Thùy	Linh	02/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			7.75	6.25	8.90	
11	A V 0443	Phan Hoàng Gia	Linh	02/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	7.3	7.25	7.00	8.90	
12	V K 0444	Trần Gia	Linh	30/12/2010	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Ngữ văn	9.3			6.75	4.00	3.60	
13	T C 0445	Trần Lê Khánh	Linh	31/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.1	7.75	9.75	8.00	
14	V K 0446	Trần Lê Thùy	Linh	27/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4			7.50	6.25	5.10	
15	S D 0447	Vũ Hoàng	Linh	17/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Sinh học	8.1	Địa lí	7.3	6.75	4.75	5.80	
16	D C 0448	Huỳnh Thị Thanh	Loan	03/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Địa lí	8.9	Tin học	9.4	7.00	5.25	3.90	
17	A B 0449	Ngô Thùy Bảo	Loan	25/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	8.6	6.00	2.50	4.60	
18	T C 0450	Trần Thanh	Loan	13/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Tin học	9.3	7.25	7.25	5.20	
19	T C 0451	Nguyễn Xuân	Lộc	15/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Toán	8.8	Tin học	8.2	5.75	9.50	7.70	
20	C K 0452	Võ Thành	Lợi	03/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tin học	7.7			6.00	3.50	3.80	
21	H C 0453	Cao Trần Đức	Long	09/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.1	Tin học	8.8	7.25	3.25	4.10	
22	A K 0454	Đinh	Long	10/09/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Chu Văn An, Chư Prông	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			6.75	6.75	8.40	
23	A K 0455	Giang Lê Bảo	Long	25/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	9.1			6.25	2.00	8.10	
24	A K 0456	Lê Đình Giang	Long	24/07/2010	Nam	Kinh	Hà Tĩnh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			6.75	6.25	7.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Thùy Loan
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 18

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0409	Nguyễn Tùng	Lâm	13/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			6.75	5.00	9.10	
2	A K 0410	Phan Tùng	Lâm	14/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			5.75	3.50	7.10	
3	V B 0411	Trần Khánh	Lâm	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	K	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	8.6	8.00	3.50	5.20	
4	A L 0412	Trịnh Quế	Lâm	28/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Vật lí	9.6	6.25	6.50	8.00	
5	B K 0413	Trịnh Trần Mai	Lâm	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.4			8.00	4.25	5.80	KK Lịch sử
6	A D 0414	Phan Thị Ý	Lan	05/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0	Địa lí	9.5	6.50	5.50	7.00	
7	H K 0415	Tô Tăng Nhật	Lan	02/06/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2			7.50	7.00	7.10	
8	S K 0416	Siu H'	Lary	02/03/2010	Nữ	Jrai	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.5			8.25	6.75	6.60	
9	V D 0417	Biện Huỳnh Gia	Lê	12/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Địa lí	9.5	7.75	3.75	6.50	
10	T C 0418	Cao Lê Kim	Linh	26/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.9	Tin học	8.6	7.00	4.75	3.50	
11	V D 0419	Đặng Ngọc Thùy	Linh	31/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.2	Địa lí	7.9	7.00	2.50	4.50	
12	A B 0420	Đào Khánh	Linh	09/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	8.3	8.00	5.75	8.30	
13	A K 0421	Đào Thị Ngọc	Linh	29/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			7.50	4.25	8.40	Ba Tiếng Anh
14	V K 0422	Đinh Nguyễn Hà	Linh	25/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.8			8.25	3.00	6.70	
15	H K 0423	Hồ Thị Phương	Linh	16/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.9			6.75	3.75	4.50	
16	T C 0424	Hoàng Nguyễn Gia	Linh	01/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.8	Tin học	9.5	7.75	8.25	9.10	
17	V B 0425	Hứa Mỹ	Linh	02/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Lịch sử	8.8	7.50	5.50	5.00	
18	C D 0426	Huỳnh Ngọc	Linh	07/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tin học	8.0	Địa lí	6.8	4.50	6.50	2.90	
19	H V 0427	Lê Đỗ Ngọc	Linh	30/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.8	Ngữ Văn	9.2	7.00	7.25	8.60	
20	T K 0428	Lê Nhã	Linh	21/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Siu Bềnh, Đức Cơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6			6.75	6.25	4.40	
21	A V 0429	Mã Thị Thùy	Linh	30/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.7	7.25	6.25	6.40	
22	V D 0430	Mai Trúc	Linh	30/12/2009	Nữ	Jrai	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.8	8.00	2.50	4.30	
23	H K 0431	Nguyễn Đa	Linh	26/05/2010	Nữ	Kinh	Đắk Nông	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.4			7.50	5.50	6.00	
24	A K 0432	Nguyễn Hà	Linh	22/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1			7.75	2.75	8.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Thị Vũ Thị Thuý Loan
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH GIA LAI
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 17

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	T K 0385	Hoàng Ngọc Đăng	Khôi	13/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Chư Prông	K	T	T	T	K	T	T	T	Toán	8.7			5.75	6.75	2.20	
2	H C 0386	Nguyễn Đăng	Khôi	27/11/2010	Nam	Kinh	Đồng Nai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.8	Tin học	8.6	6.75	6.00	6.80	
3	B K 0387	Nguyễn Quốc	Khôi	16/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.0			4.00	1.25	0.90	
4	T C 0388	Nguyễn Viết	Khôi	19/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Tin học	9.5	5.50	9.00	9.40	
5	L C 0389	Trần Nguyên	Khôi	23/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.8	Tin học	9.0	7.50	8.50	6.70	
6	A D 0390	Võ Đăng	Khôi	08/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	9.0	8.00	7.25	8.00	
7	A V 0391	Lâm Ngọc	Khuê	20/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	8.00	5.50	9.20	
8	B K 0392	Phạm Minh	Khuê	04/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.8			7.25	3.25	5.90	
9	A K 0393	Lưu Đăng	Khương	21/03/2010	Nam	Hoa	TP. Hồ Chí Minh	UKA Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			5.25	4.25	7.80	
10	A B 0394	Nguyễn Quang	Khương	17/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.1	7.25	6.00	7.50	
11	H S 0395	Huỳnh Nhựt	Khuyên	15/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Hóa học	7.9	Sinh học	7.9	4.25	2.75	3.40	
12	T C 0396	Bùi Trung	Kiên	04/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	8.7	7.00	8.50	7.70	
13	T C 0397	Đặng Trần Đức	Kiên	01/04/2010	Nam	Kinh	Phú Yên	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Tin học	8.0	7.00	7.50	7.30	
14	H A 0398	Đoàn Trung	Kiên	22/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2	Tiếng Anh	9.3	6.50	5.75	6.50	
15	T H 0399	Tạ Chí	Kiên	09/02/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Bùi Thị Xuân, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Toán	9.0	Hóa học	8.4	5.75	7.25	3.40	
16	T C 0400	Trương Tuấn	Kiệt	14/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	10.0	Tin học	8.5	8.00	10.00	7.60	Nhất Toán
17	T C 0401	Vũ Mạnh Gia	Kiệt	18/04/2010	Nam	Kinh	Nghệ An	Chu Văn An, Chư Prông	K	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	8.8	5.25	6.50	3.00	
18	T B 0402	Vũ Tuấn	Kiệt	11/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Toán	7.7	Lịch sử	8.0	6.50	3.75	4.80	
19	V K 0403	Lê Huỳnh Thiên	Kim	23/04/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			8.50	5.50	7.70	Nhất Ngữ văn
20	A B 0404	Nguyễn Thiên	Kim	10/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.6	6.75	6.50	9.30	
21	T C 0405	Phan Gia	Kỳ	27/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.4	Tin học	8.5	6.00	5.75	5.20	
22	A V 0406	Trần Yến Quỳnh	Lâm	21/11/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, IaGra	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	8.8	6.00	0.50	4.50	
23	T C 0407	Bùi Tùng	Lâm	06/09/2010	Nam	Kinh	Nghệ An	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Tin học	9.2	7.00	7.75	4.90	
24	T C 0408	Lê Hoàng	Lâm	21/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, IaGra	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.5	Tin học	7.2	5.75	7.25	5.70	

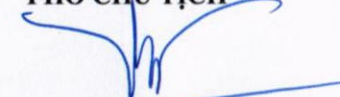
(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 16

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0361	Phạm Huy	Khang	15/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			6.75	7.75	8.80	
2	B C 0362	Phạm Trí	Khang	23/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Lịch sử	8.9	Tin học	7.5	5.25	5.75	2.00	
3	A V 0363	Phan Phú	Khang	03/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.6	7.50	8.00	9.00	
4	T C 0364	Tổng Gia	Khang	29/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	8.9	7.25	8.50	6.50	
5	C H 0365	Trần Minh	Khang	31/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	K	T	T	T	K	T	T	T	Tin học	9.0	Hóa học	9.4	4.75	4.25	4.10	
6	A D 0366	Trần Xuân Gia	Khang	04/05/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Trung Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	8.6	4.75	6.00	8.80	
7	H K 0367	Trương Gia	Khang	08/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.4			4.00	5.00	6.40	
8	S K 0368	Võ Nguyên	Khang	16/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Sinh học	9.0			7.00	5.00	5.70	
9	T C 0369	Vũ	Khang	19/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.2	Tin học	9.1	7.75	8.00	8.80	
10	A V 0370	Nguyễn Hà	Khanh	04/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Sao Việt, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	Vắng	Vắng	Vắng	
11	B K 0371	Nguyễn Lê Bảo	Khanh	14/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.9			8.50	4.25	4.70	
12	T C 0372	Châu Tùng	Khánh	10/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.5	Tin học	9.1	7.00	8.50	8.00	
13	A D 0373	Hoàng Bảo	Khánh	08/02/2010	Nữ	Mường	Ninh Bình	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.2	7.50	7.50	9.10	
14	S B 0374	Nguyễn Cao	Khánh	16/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.2	Lịch sử	9.0	5.25	5.25	5.30	
15	A K 0375	Nguyễn Hoàng Kim	Khánh	02/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	7.7			3.75	2.25	5.90	
16	T C 0376	Nguyễn Quốc	Khánh	20/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Tin học	9.1	7.25	4.75	7.10	
17	L C 0377	Nguyễn Quốc	Khánh	05/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.8	Tin học	9.4	8.50	8.00	8.80	
18	S B 0378	Nguyễn Trần Gia	Khánh	18/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	K	T	K	T	K	T	T	T	Sinh học	8.4	Lịch sử	8.3	5.00	4.75	3.90	
19	C L 0379	Nguyễn Xuân Quốc	Khánh	12/08/2010	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.5	Vật lí	8.8	6.75	5.50	8.10	
20	D V 0380	Phạm Trường	Khánh	01/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.2	Ngữ văn	8.8	7.00	4.50	5.00	
21	D K 0381	Nguyễn Đình	Khê	10/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Đình Chiểu, Chưprông	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.9			6.75	2.75	1.70	Ba Địa lí
22	D C 0382	Phạm Gia	Khiêm	11/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	8.9	Tin học	8.6	6.00	6.25	5.10	
23	H C 0383	Nguyễn Ngọc Lê	Khoa	01/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	T	Hóa học	9.4	Tin học	8.9	5.50	4.25	3.10	
24	L C 0384	Đỗ Đăng	Khôi	31/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Vật lí	8.8	Tin học	8.1	5.50	8.25	4.10	KK Vật lí

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Thi Hoàng Loan
Nguyễn Thị Huyền
Nguyễn Văn Tân Tài

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 15

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H K 0337	Trần Thị Thảo	Huyện	10/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Sê	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.8			4.00	3.75	1.80	
2	V K 0338	Trịnh Thị Thanh	Huyện	21/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7			7.00	4.00	5.10	
3	V C 0339	Vũ Ngọc	Huyện	24/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.5	Tin học	9.5	7.50	6.25	7.20	
4	A V 0340	Đỗ Mai	Ka	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.8	8.00	6.50	9.60	
5	T H 0341	Lê	Ken	06/03/2008	Nam	Kinh	TP. TP. Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	Toán	8.4	Hóa học	8.0	5.00	7.25	3.10	
6	V K 0342	Đinh Tuệ	Kha	10/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Chư Prông	K	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			6.75	5.75	3.20	
7	B K 0343	Nguyễn Lê Hoàng	Kha	14/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	8.4			5.25	4.25	3.70	
8	T C 0344	Nguyễn Vương Tuấn	Kha	02/01/2010	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Tin học	9.2	7.50	8.00	5.50	
9	C B 0345	Dương Quang	Khải	09/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.9	Lịch sử	8.9	6.00	6.50	6.00	
10	B K 0346	Đặng Trình Vĩnh	Khang	16/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	Lịch sử	8.1			5.75	3.75	2.90	
11	L C 0347	Đào Minh Nhật	Khang	02/12/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2	Tin học	9.1	5.75	8.25	6.50	
12	A K 0348	Đào Nguyễn Minh	Khang	11/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			6.25	4.75	6.60	
13	C T 0349	Đào Xuân Gia	Khang	07/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	Tin học	8.8	Toán	7.9	6.00	5.50	6.20	
14	T C 0350	Đoàn Phan Minh	Khang	02/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	K	K	T	K	T	K	Toán	8.2	Tin học	7.6	4.50	5.75	6.40	
15	L A 0351	Dương Nguyễn	Khang	01/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	Vật lí	8.2	Tiếng Anh	8.4	3.50	2.75	1.70	
16	S K 0352	Hồ Đình Quý	Khang	27/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	Sinh học	9.0			6.00	4.00	5.50	KK Sinh học
17	L S 0353	Hồ Võ Gia	Khang	04/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.8	Sinh học	8.8	7.25	5.75	8.10	
18	H C 0354	Lê Đặng Bảo	Khang	10/08/2010	Nam	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Tin học	8.7	7.00	6.75	8.10	
19	S K 0355	Lê Phúc An	Khang	19/05/2010	Nam	Kinh	Long An	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.6			6.75	5.50	5.70	
20	D V 0356	Nguyễn Đình Gia	Khang	05/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.2	Ngữ văn	7.8	7.00	3.25	3.00	
21	B C 0357	Nguyễn Đức Minh	Khang	03/01/2010	Nam	Kinh	Hồ Chí Minh	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	9.0	Tin học	8.4	5.25	3.00	3.80	
22	A K 0358	Nguyễn Gia	Khang	29/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6			8.50	5.00	8.80	
23	A K 0359	Nguyễn Gia	Khang	26/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			9.00	6.75	9.60	
24	S L 0360	Phạm Duy	Khang	11/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.3	Vật lí	8.3	7.00	4.75	6.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Ngọc Lân
Nguyễn Thị Thanh
Lê Thị Lâm Hồng

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 14

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V S 0313	Nguyễn Thị Mai	Hương	05/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Sinh học	8.8	7.25	6.75	5.80	
2	T C 0314	Trương Thị Quỳnh	Hương	23/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	10.0	Tin học	9.4	7.50	9.00	7.30	
3	B A 0315	Bùi Gia	Huy	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	Lịch sử	8.7	Tiếng Anh	8.1	4.50	0.75	6.80	
4	A K 0316	Bùi Quang	Huy	12/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			7.50	5.50	8.40	
5	S K 0317	Cao Đắc Minh	Huy	14/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	K	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.8			7.75	5.00	5.40	
6	A D 0318	Hà Nguyễn Minh	Huy	23/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.9	9.00	8.00	9.20	KK Tiếng Anh
7	T C 0319	Lê Phạm Gia	Huy	29/10/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Quang Trung, Đức Cơ	K	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	9.3	7.00	8.25	6.60	
8	H S 0320	Lê Quốc	Huy	08/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1	Sinh học	9.1	6.25	6.75	6.10	
9	T H 0321	Nguyễn Đức	Huy	15/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Hóa học	9.4	6.75	8.00	6.70	
10	H K 0322	Nguyễn Gia	Huy	03/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5			6.75	6.25	6.30	
11	D K 0323	Nguyễn Nhật	Huy	03/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	Địa lí	8.2			4.25	1.75	2.90	
12	L C 0324	Nguyễn Tấn	Huy	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.0	Tin học	8.6	5.50	6.75	5.00	
13	T C 0325	Nguyễn Văn	Huy	01/09/2010	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	8.8	6.75	7.75	6.40	
14	H K 0326	Phan Nguyễn Nhật	Huy	30/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1			7.00	6.50	4.00	
15	T C 0327	Tạ Quang	Huy	01/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	9.1	7.50	9.75	8.70	
16	H S 0328	Trần Minh	Huy	14/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.0	Sinh học	9.0	7.50	4.25	5.40	
17	A K 0329	Trần Xuân Đức	Huy	25/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			6.25	6.50	8.60	
18	T C 0330	Võ Đình	Huy	25/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	8.9	6.75	10.00	9.50	
19	V K 0331	Đinh Thị Diệu	Huyền	18/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5			8.25	7.25	8.10	
20	T C 0332	Nguyễn Phương	Huyền	10/10/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Quang Trung, Kông Chro	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Tin học	8.5	7.50	7.50	6.90	
21	S B 0333	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	21/11/2010	Nữ	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	Sinh học	6.8	Lịch sử	8.5	6.25	5.25	3.00	
22	T C 0334	Nguyễn Thị Phương	Huyền	26/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	Toán	8.4	Tin học	8.9	8.00	6.25	3.80	
23	A V 0335	Trần Diệu	Huyền	04/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	8.4	7.00	3.00	6.00	
24	A K 0336	Trần Nguyễn Ngọc	Huyền	19/10/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Huỳnh Thúc Kháng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.5			5.00	4.25	5.30	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Ngọc Long
Nguyễn Thị Thanh
Nguyễn Thị Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Long
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH GIA LAI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 13

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A V 0289	Cao Tiến	Hoàn	17/05/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.0	9.00	8.75	9.80	Nhất Tiếng Anh
2	C D 0290	Lê Đức Trọng	Hoàn	09/06/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2	Địa lí	8.4	6.75	5.25	6.40	
3	T C 0291	Đoàn Đình	Hoàng	07/06/2010	Nam	Kinh	Bình Định	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Tin học	9.7	6.00	8.75	8.00	
4	B K 0292	Hồ Minh	Hoàng	19/08/2010	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.2			7.00	2.50	3.30	
5	T C 0293	Lê	Hoàng	07/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.0	7.75	8.50	6.50	
6	T C 0294	Nguyễn Huy	Hoàng	19/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.1	5.75	8.50	5.50	
7	V D 0295	Nguyễn Kim	Hoàng	17/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Địa lí	9.0	7.75	7.00	7.90	
8	S K 0296	Phạm	Hoàng	30/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.0			3.75	3.50	4.40	
9	H K 0297	Thái Bá	Hoàng	03/11/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.8			5.75	5.75	4.70	
10	C B 0298	Trần Lê	Hoàng	11/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.0	Lịch sử	9.0	7.75	5.50	7.70	
11	H K 0299	Lê Đức	Hùng	03/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Hóa học	7.7			7.00	4.50	3.00	
12	B T 0300	Đỗ Việt	Hưng	27/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Lịch sử	9.1	Toán	8.2	4.50	4.75	3.10	
13	A V 0301	Giáp Hoàng	Hưng	01/07/2009	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.0	Ngữ văn	7.2	5.00	2.00	7.00	
14	H K 0302	Hoàng Tuấn	Hưng	04/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.6			7.00	8.25	6.00	
15	T C 0303	Nguyễn Cảnh	Hưng	15/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	9.4	7.00	6.00	3.50	
16	T H 0304	Nguyễn Đăng	Hưng	14/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.9	Hóa học	9.0	7.50	8.00	7.10	
17	C T 0305	Nguyễn Gia	Hưng	04/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.9	Toán	8.9	7.50	6.75	3.00	
18	A K 0306	Nguyễn Gia	Hưng	26/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.75	7.75	9.60	
19	S T 0307	Nguyễn Trần Việt	Hưng	06/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.5	Toán	9.8	7.00	9.00	7.90	KK Sinh học
20	T C 0308	Trần Gia	Hưng	14/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	8.9	6.75	8.25	8.30	
21	H K 0309	Võ Đắc	Hưng	02/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Hóa học	7.8			5.75	7.25	3.50	
22	A K 0310	Vương Vinh	Hưng	03/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.0			6.50	2.25	4.40	
23	S K 0311	Đồng Thị Thu	Hương	23/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.6			6.75	3.25	6.00	
24	A K 0312	Ngô Đặng Thiên	Hương	23/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9			5.75	4.25	8.70	Nhi Tiếng Anh

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
 Người nhập điểm:
 Người soát điểm thứ nhất:
 Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
 KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
 PHÓ CHỦ TỊCH
 Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
 KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 12

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	D K 0265	Nguyễn Thị Khánh Hân	10/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi, Chư Puh	K	T	K	T	K	T	T	T	Địa lí	9.4			5.75	4.75	2.40	Nhi Địa lí
2	H K 0266	Nguyễn Thị Ngọc Hân	24/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Hóa học	8.6			5.25	5.00	5.30	
3	L C 0267	Nguyễn Trần Gia Hân	05/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.4	Tin học	8.8	7.25	7.00	5.90	
4	T C 0268	Nguyễn Trần Ngọc Hân	28/04/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	8.7	7.00	7.50	7.80	
5	V K 0269	Nguyễn Võ Gia Hân	21/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			7.75	2.75	3.40	
6	S H 0270	Phạm Lê Gia Hân	23/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Sinh học	8.1	Hóa học	8.1	5.25	2.75	3.80	
7	A B 0271	Trịnh Triệu Khả Hân	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Lịch sử	9.3	7.00	4.00	7.00	
8	A B 0272	Trương Bảo Hân	15/01/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.4	Lịch sử	8.4	6.00	3.75	5.90	
9	S V 0273	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	25/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.0	Ngữ văn	9.3	6.50	6.00	5.00	
10	S V 0274	Nguyễn Hoài Khánh Hiền	24/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.7	Ngữ văn	8.0	5.50	3.00	2.60	
11	T K 0275	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păk	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8			7.75	8.00	8.70	Nhi Toán
12	D V 0276	Phạm Dương Thảo Hiền	18/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Địa lí	8.3	Ngữ văn	8.6	7.00	2.50	2.00	
13	V C 0277	Vũ Thị Thu Hiền	07/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Tin học	9.4	7.25	6.50	5.80	
14	A T 0278	Châu Minh Hiền	14/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Toán	9.1	6.25	4.75	7.70	
15	B A 0279	Hoàng Ngọc Hiền	13/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1	Tiếng Anh	9.1	5.75	7.00	7.80	
16	A H 0280	Châu Trần Hoàng Hiếu	07/03/2010	Nam	Hoa	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.4	Hóa học	7.6	6.00	5.50	6.30	
17	C D 0281	Đặng Xuân Hiếu	07/01/2010	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Anh Hùng Wừu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.9	Địa lí	9.6	5.00	5.00	5.10	
18	V B 0282	Hà Đỗ Trung Hiếu	13/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	9.6	8.00	7.00	8.30	
19	A T 0283	Nguyễn Trung Hiếu	28/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.1	5.50	6.00	8.60	
20	H C 0284	Phùng Quý Hiếu	03/05/2010	Nam	Tày	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Hóa học	8.4	Tin học	8.6	6.00	6.25	7.60	
21	T C 0285	Trần Ngọc Hiếu	11/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.2	Tin học	8.5	6.50	7.25	6.90	
22	T C 0286	Trần Nguyễn Hoàng Đức Hiếu	28/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phú Hòa, Chư Păk	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.5	7.50	9.50	7.50	
23	V D 0287	Nguyễn Trần Phương Hoa	29/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Địa lí	9.0	7.75	2.75	5.50	
24	B K 0288	Vũ Như Hoài	28/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	K	T	T	T	Lịch sử	9.0			7.50	4.50	4.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 11

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V B 0241	Nguyễn Việt	Hàn	02/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	9.6	9.00	5.25	4.30	
2	C T 0242	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	13/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Dương	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	8.9	Toán	8.2	6.25	6.75	5.40	
3	V K 0243	Nguyễn Võ Trí	Hạnh	09/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			7.50	4.50	4.00	
4	T A 0244	Phạm Minh	Hạnh	28/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Sê	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tiếng Anh	9.7	8.00	9.75	8.80	Ba Toán
5	H K 0245	Đoàn Hồ Ngọc	Hào	10/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Hóa học	9.0			6.00	6.25	3.90	
6	S K 0246	Bùi Hồng	Hào	31/01/2010	Nữ	Kinh	Hà Nội	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.4			7.25	6.25	7.90	
7	A V 0247	Đặng Lê Gia	Hân	20/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	9.3	9.00	4.25	7.30	
8	B K 0248	Đỗ Ngọc	Hân	21/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.4			5.00	5.00	3.00	
9	B K 0249	Đoàn Hồ Ngọc	Hân	02/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Lịch sử	9.2			7.25	2.25	3.50	
10	A T 0250	Hồ Ngọc Bảo	Hân	28/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Toán	9.0	8.25	8.00	8.40	
11	A K 0251	Huỳnh Hồ Bảo	Hân	05/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Ayun Pa	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			6.50	8.00	7.60	
12	H K 0252	Lâm Ngọc	Hân	02/10/2010	Nữ	Cao Lan	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	K	T	T	T	T	Hóa học	9.4			7.75	7.75	6.10	
13	T B 0253	Lê Đặng Bảo	Hân	10/11/2010	Nữ	Kinh	TP. TP Hồ Chí Minh	Trung Vương, An Khê	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.1	Lịch sử	9.1	6.50	3.75	3.70	
14	V K 0254	Lê Đặng Bảo	Hân	09/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0			8.00	4.25	5.70	
15	A V 0255	Lê Gia	Hân	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	8.2	8.25	7.00	9.10	
16	A D 0256	Lê Gia	Hân	19/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2	Địa lí	9.3	8.00	7.25	8.30	
17	C V 0257	Lê Ngọc Bảo	Hân	28/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2	Ngữ Văn	8.2	7.00	2.75	4.90	
18	T L 0258	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	23/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.7	Vật lí	8.8	7.25	5.00	5.10	
19	S V 0259	Ngô Thị Thảo	Hân	05/04/2010	Nữ	Kinh	Quảng Nam	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Sinh học	8.5	Ngữ văn	8.1	6.75	3.50	5.60	
20	T C 0260	Nguyễn Gia	Hân	11/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	9.1	7.50	7.50	7.70	
21	V D 0261	Nguyễn Khánh	Hân	02/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu, Ipa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5	Địa lí	9.2	6.25	0.75	1.10	
22	A V 0262	Nguyễn Ngọc	Hân	29/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	8.0	8.50	6.75	9.20	
23	A D 0263	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	16/11/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Bình Khiêm, Kbang	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Địa lí	9.7	8.50	6.50	8.80	
24	V A 0264	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	22/09/2010	Nữ	Kinh	Đồng Nai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1	Tiếng Anh	9.6	8.25	7.00	9.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Tấn Tài
Nguyễn Tấn Tài
Nguyễn Tấn Tài
Nguyễn Tấn Tài

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 10

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A T 0217	Nguyễn Lý Cẩm	Giang	18/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Toán	9.0	6.75	7.25	9.50	
2	A V 0218	Nguyễn Thị	Giang	06/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.2	6.25	5.75	7.00	
3	A K 0219	Trần Lê Trường	Giang	22/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1			8.00	2.50	8.60	
4	V A 0220	Nguyễn Huyền	Giao	04/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Chư Purb	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Tiếng Anh	9.0	7.50	3.25	6.50	
5	C T 0221	Đào Lê Thanh	Hà	11/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2	Toán	9.6	5.75	6.25	3.10	
6	L K 0222	Đỗ Thị Thu	Hà	15/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.9			6.00	5.25	3.40	
7	H V 0223	Hồ Châu Ngọc	Hà	13/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5	Ngữ Văn	9.2	9.00	7.00	8.50	
8	T C 0224	Lê Phước Phương	Hà	09/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.2	Tin học	9.1	8.25	8.75	8.30	
9	C K 0225	Lê Thái	Hà	11/01/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.2			8.25	7.25	6.40	
10	V C 0226	Ngô Võ Khánh	Hà	07/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Tin học	9.1	8.00	4.50	2.40	
11	V D 0227	Nguyễn Khánh	Hà	28/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.2	Địa lí	9.0	7.00	4.25	6.40	
12	L C 0228	Nguyễn Ngân	Hà	21/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	K	T	K	T	T	T	T	Vật lí	9.1	Tin học	9.2	7.25	7.00	3.00	
13	C D 0229	Nguyễn Ngọc	Hà	20/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.0	Địa lí	9.1	6.75	7.00	4.60	
14	T A 0230	Nguyễn Thanh	Hà	29/03/2010	Nữ	Kinh	Đăk Lăk	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Tiếng Anh	9.9	8.25	9.00	9.50	Nhất Tiếng Anh
15	A D 0231	Nguyễn Thị Khánh	Hà	28/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Địa lí	9.1	6.50	4.75	7.90	
16	T C 0232	Nguyễn Thị Ngân	Hà	01/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Tin học	9.5	8.00	8.00	8.40	
17	A K 0233	Phạm Bảo	Hà	03/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	IaNhin, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			6.00	7.00	8.60	
18	A T 0234	Phan Khánh	Hà	25/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0	Toán	9.4	5.50	5.50	8.30	
19	A K 0235	Trịnh Khánh	Hà	12/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.75	8.00	9.20	
20	L K 0236	Nguyễn Lê Bảo	Hạ	07/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	K	T	T	Vật lí	8.8			7.75	4.25	5.70	
21	L C 0237	Võ Hoàng Nhật	Hạ	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.1	Tin học	9.0	6.75	8.50	8.30	
22	V D 0238	Đào Thị Thanh	Hải	17/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.4	8.00	7.75	7.60	
23	A K 0239	Nguyễn Hoàng	Hải	22/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			6.50	6.50	9.00	
24	A K 0240	Phạm Văn	Hải	07/02/2010	Nam	Kinh	Hòa Bình	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.9			5.50	6.00	9.30	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Tấn Tài
Trần Lê Thị Thanh Hương
Phạm Thị Ngọc Hà

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
NGUYỄN VĂN LONG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 09

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	S V 0193	Nguyễn Hoàng Minh	Đăng	01/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	Sinh học	7.8	Ngữ văn	8.3	5.50	1.00	2.90	
2	T C 0194	Nguyễn Khánh	Đăng	16/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	9.5	6.25	7.50	5.20	
3	A B 0195	Nguyễn Việt Minh	Đăng	29/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Lịch sử	9.2	7.75	3.75	9.00	
4	L K 0196	Nguyễn Võ Minh	Đăng	03/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	K	T	T	T	T	T	Vật lí	8.4			5.75	5.50	3.30	
5	L C 0197	Võ Ngọc	Đình	14/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.8	Tin học	9.2	7.00	7.75	6.30	
6	H A 0198	Trần Thục Minh	Đoan	08/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.0	Tiếng Anh	9.2	7.50	7.00	8.40	
7	A T 0199	Nguyễn Tiến	Đoàn	08/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Toán	9.0	6.50	7.00	9.30	KK Tiếng Anh
8	S H 0200	Hoàng Phương	Đông	30/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.7	Hóa học	8.7	6.25	7.00	7.40	
9	D K 0201	Bùi Trung	Đức	14/10/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	T	T	T	K	T	Địa lí	8.4			5.00	2.50	4.50	
10	T C 0202	Đình Đồng Thiên	Đức	07/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.1	9.00	8.00	8.40	
11	T C 0203	Nguyễn Anh	Đức	07/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	8.8	7.50	7.75	8.00	
12	B K 0204	Nguyễn Hữu	Đức	01/01/2010	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	Lịch sử	9.0			5.00	1.50	2.20	
13	T C 0205	Trần Quang	Đức	04/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.4	8.25	8.50	9.40	
14	A K 0206	Trương Công	Đức	09/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			6.00	6.50	9.70	
15	S K 0207	Trương Minh	Đức	23/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	Sinh học	8.1			5.75	2.75	3.00	
16	A K 0208	Võ Ngọc	Đức	30/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	K	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4			7.00	6.25	9.30	
17	T C 0209	Nguyễn Hoàng	Gia	09/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	9.3	7.00	8.75	7.50	KK Toán
18	C K 0210	Phan Đức	Gia	12/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	Tin học	8.9			3.75	3.75	4.70	
19	C K 0211	Trần Hoàng	Gia	16/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	T	T	K	Tin học	8.0			4.75	4.75	6.20	
20	V B 0212	Đặng Châu	Giang	04/12/2010	Nữ	Hán	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3	Lịch sử	9.5	8.25	7.75	7.60	Nhi Ngữ văn
21	A K 0213	Đỗ Hồ Nguyệt	Giang	08/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7			8.00	6.00	9.30	KK Tiếng Anh
22	V K 0214	Hoàng Hương	Giang	11/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	Ngữ văn	7.5			8.00	3.00	4.50	
23	V D 0215	Lê Hương	Giang	01/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7	Địa lí	9.4	8.50	3.50	4.40	
24	V L 0216	Mai Linh	Giang	08/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Vật lí	8.2	8.50	6.75	5.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

Nguyễn Tấn Tài
Nguyễn Tấn Tài
Lê Thị Thanh Hương
Phạm Thị Ngọc Hà

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 08

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
								HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A V 0169	Vũ Thùy Dương	19/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.6	6.75	5.50	8.70	
2	H C 0170	Lê Ngô Đức Duy	08/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Tin học	9.5	8.25	6.75	6.20	
3	T C 0171	Nguyễn Nam Duy	12/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.5	7.00	8.00	8.90	
4	T C 0172	Phan Minh Duy	05/06/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Toán	8.7	Tin học	7.8	5.00	6.75	2.10	
5	T C 0173	Võ Minh Duy	02/09/2010	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Toán	8.3	Tin học	8.0	4.75	6.25	2.60	
6	V C 0174	Đinh Thị Khánh Duyên	08/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Ngữ văn	8.2	Tin học	8.7	7.00	4.00	3.20	
7	S K 0175	Lương Phạm Mỹ Duyên	19/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.6			7.00	5.50	6.60	
8	A V 0176	Phùng Mỹ Duyên	05/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.1	9.25	6.25	9.20	
9	T C 0177	Đỗ Đức Dy	07/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Toán	8.4	Tin học	9.0	6.50	8.75	3.70	
10	T C 0178	Bùi Nguyên Đại	07/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.6	6.00	7.75	8.70	
11	A K 0179	Phạm Trúc Đan	26/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.2			7.50	6.75	9.20	
12	A V 0180	Trần Nhã Linh Đan	14/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.0	7.00	6.25	7.80	
13	L C 0181	Bùi Tiến Đạt	17/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Vật lí	7.6	Tin học	8.6	2.50	6.75	8.60	
14	V K 0182	Đặng Thế Đạt	04/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.7			7.00	4.25	6.10	
15	A K 0183	Nguyễn Minh Đạt	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	K	T	K	T	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			6.50	5.50	8.90	
16	L C 0184	Nguyễn Tấn Đạt	16/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Vật lí	8.6	Tin học	8.9	5.75	6.25	6.20	
17	A K 0185	Phạm Tấn Đạt	11/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.8			6.00	7.75	7.40	
18	S D 0186	Trần Khánh Đạt	19/10/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Nghĩa Hưng, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.6	Địa lí	9.3	7.00	5.50	6.20	
19	D C 0187	Trần Nhật Thành Đạt	03/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.5	Tin học	8.7	3.50	3.50	3.00	
20	L K 0188	Trần Quốc Đạt	01/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Đăk Đoa	T	T	K	T	T	T	T	T	Vật lí	9.1			5.25	6.25	5.10	
21	T C 0189	Trương Thanh Đạt	21/07/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.7	7.50	7.75	8.30	
22	V D 0190	Huỳnh Minh Đăng	11/10/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Địa lí	9.5	7.75	7.00	4.30	
23	T C 0191	Lê Quang Đăng	09/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Toán	9.1	Tin học	8.6	7.50	7.25	6.20	
24	T C 0192	Nguyễn Hải Đăng	02/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	K	T	K	T	Toán	8.2	Tin học	8.0	4.25	7.00	7.70	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 07

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V K 0145	Nguyễn Hoàng Như	Diễm	25/03/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	7.9			7.75	4.25	6.00	
2	T C 0146	Nguyễn Thị Phương	Diễm	10/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	8.1	7.25	7.00	4.40	
3	V K 0147	Lê Nguyễn Phương	Dung	07/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.7			7.75	4.00	5.00	
4	H K 0148	Hồ Đức	Dũng	10/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	K	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3			5.25	5.00	4.30	
5	T C 0149	Hoàng Đăng	Dũng	20/06/2010	Nam	Kinh	Hà Nội	Ialy, Chư Păh	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Tin học	9.1	7.25	8.75	7.20	
6	L C 0150	Nguyễn Bá Trung	Dũng	17/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.1	Tin học	9.0	5.25	5.50	4.20	
7	A K 0151	Nguyễn Đăng	Dũng	22/01/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	8.4			4.75	1.75	6.80	
8	A K 0152	Nguyễn Đức	Dũng	12/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.25	7.00	9.20	Nhi Tiếng Anh
9	L C 0153	Nguyễn Đức	Dũng	12/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.3	Tin học	8.6	6.75	5.50	3.30	
10	A K 0154	Nguyễn Duy Nguyên	Dũng	09/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9			6.50	7.25	9.30	Ba Tiếng Anh
11	H K 0155	Nguyễn Quốc	Dũng	14/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1			7.25	6.75	6.80	
12	T B 0156	Nguyễn Tiến	Dũng	22/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Đinh Tiên Hoàng, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.7	Lịch sử	9.5	5.50	2.00	4.30	
13	A H 0157	Trần Anh	Dũng	01/03/2010	Nam	Kinh	Đắk Lắk	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Hóa học	9.5	7.00	9.00	8.50	
14	H S 0158	Trần Thế	Dũng	10/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.9	Sinh học	8.9	6.25	6.50	6.70	
15	T C 0159	Trần Tiến	Dũng	23/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tin học	9.3	5.75	8.75	8.40	
16	T C 0160	Hà Hải	Dương	25/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.3	7.75	10.00	8.50	
17	D C 0161	Hoàng Nguyễn Thái	Dương	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	K	T	K	T	Địa lí	8.5	Tin học	8.8	3.25	5.75	2.70	
18	L V 0162	Ngô Nguyễn Ánh	Dương	09/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.0	Ngữ văn	9.1	7.75	6.50	5.30	
19	A V 0163	Ngô Thị Ánh	Dương	06/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.0	6.50	4.25	8.20	
20	H A 0164	Nguyễn Thị Ánh	Dương	02/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1	Tiếng Anh	8.8	7.00	7.50	7.40	
21	B V 0165	Nguyễn Thùy	Dương	15/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.6	Ngữ văn	9.0	6.75	2.75	4.60	
22	V K 0166	Nguyễn Thùy	Dương	23/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Ngữ văn	8.6			6.00	2.00	2.50	
23	V B 0167	Võ Thị Ánh	Dương	17/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Lịch sử	9.5	8.00	4.25	7.80	
24	V A 0168	Vũ Thái	Dương	21/11/2010	Nữ	Mường	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.0	Tiếng Anh	9.2	7.50	4.50	9.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:
Người nhập điểm:
Người soát điểm thứ nhất:
Người soát điểm thứ hai:

Phạm Văn Thị Thủy
Nguyễn Thị Thanh Hương
Phạm Văn Thị Lan

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 06

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V B 0121	Phạm Ngọc Bảo	Châu	19/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	9.1	8.00	4.25	4.40	
2	T C 0122	Phạm Ngọc Bảo	Châu	04/11/2010	Nữ	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Tin học	9.1	8.75	7.75	8.30	
3	V K 0123	Phan Hoàng Bảo	Châu	29/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Chư Prông	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.3			8.00	5.25	3.40	KK Ngữ văn
4	S K 0124	Tô Ngọc Minh	Châu	09/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.8			5.75	7.00	7.30	
5	V K 0125	Trần Ngọc Bảo	Châu	17/05/2010	Nữ	Kinh	Hải Dương	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4			6.25	6.00	5.90	
6	V A 0126	Lưu Mẫn	Chi	05/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	9.5	8.50	5.50	6.70	
7	A D 0127	Nguyễn Đặng Diệp	Chi	03/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.4	7.00	7.75	8.20	
8	V K 0128	Nguyễn Khánh	Chi	07/01/2010	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Trung Vương, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			7.50	4.75	3.90	
9	A D 0129	Nguyễn Trần Yến	Chi	16/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Kông Chro	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Địa lí	9.1	7.75	4.25	7.80	
10	V D 0130	Nguyễn Võ Linh	Chi	09/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	7.5	8.00	6.75	4.80	
11	S H 0131	Lê Trung	Chiến	16/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.4	Hóa học	9.4	7.50	6.00	6.30	
12	T C 0132	Nguyễn Quốc	Chính	22/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	K	T	K	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Tin học	9.2	5.75	6.00	6.20	
13	H A 0133	Huỳnh Đăng	Cơ	01/07/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Lê Lợi, Chưprông	K	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	8.9	5.00	4.50	5.50	
14	T C 0134	Nguyễn Thành	Công	21/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.2	7.25	7.50	8.60	
15	L C 0135	Chu Hoàng Việt	Cường	10/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chưprông	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2	Tin học	9.3	5.50	7.00	4.00	Ba Vật lí
16	H S 0136	Đình Quốc	Cường	25/08/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Võ Thị Sáu, Đắk Đoa	K	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5	Sinh học	9.5	4.25	7.00	5.60	
17	T A 0137	Nguyễn Chấn	Cường	01/01/2010	Nam	Kinh	Đà Nẵng	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.7	Tiếng Anh	9.6	6.50	8.50	9.90	
18	H K 0138	Trần Huỳnh Phú	Cường	07/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2			7.00	8.00	6.70	Ba Hóa học
19	H K 0139	Trần Quốc	Cường	14/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.2			8.00	7.00	6.70	Ba KHKT
20	D K 0140	Trần Văn	Cường	15/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	7.4			5.50	6.25	2.90	
21	D K 0141	Vũ Đức	Cường	24/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.1			6.50	3.25	3.10	
22	H C 0142	Huỳnh Ngô Hạ	Di	22/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Ayunpa	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.5	Tin học	9.1	6.75	3.75	5.00	
23	A K 0143	Lê Hàn Thư	Di	10/10/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1			5.00	6.00	7.60	
24	A T 0144	Nguyễn Thiên	Di	24/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Toán	9.8	7.00	5.00	7.90	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Thị Vũ Thị Thủy Loan
Thị Vũ Thị Thanh Hương
Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 05

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	B K 0097	Trần Hoàng Gia	Bảo	02/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1			5.50	7.00	4.20	
2	T K 0098	Trần Ngọc	Bảo	28/04/2010	Nam	Kinh	Quảng Bình	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	K	T	T	T	Toán	8.5			5.00	4.25	4.60	
3	L A 0099	Trương Quốc	Bảo	09/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.3	Tiếng Anh	9.3	7.50	7.25	9.20	
4	A B 0100	Võ Hoàng Gia	Bảo	04/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Lịch sử	9.1	4.75	2.50	7.20	
5	A D 0101	Đỗ Đăng Việt	Bắc	11/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Địa lí	9.4	5.25	7.25	8.50	
6	B K 0102	Nguyễn Ngọc Khánh	Băng	17/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.3			5.25	6.25	4.20	
7	S V 0103	Hồ Như	Bích	03/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.1	Ngữ văn	8.4	6.50	5.75	3.50	
8	A D 0104	Lê Văn	Bình	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh, Đăk Đoa	K	T	K	T	K	T	K	T	Tiếng Anh	8.5	Địa lí	8.5	6.00	3.50	6.10	
9	H K 0105	Nguyễn Thái	Bình	22/08/2010	Nam	Kinh	Kon Tum	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.7			3.75	6.25	6.10	
10	S B 0106	Thân Văn	Bình	24/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.3	Lịch sử	9.5	6.00	3.50	2.20	
11	V K 0107	Kiều Nguyên	Cao	30/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.6			7.75	1.50	2.60	
12	A V 0108	Nguyễn Phan Ái	Chân	24/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	7.7	6.75	4.25	8.20	
13	H K 0109	Đặng Minh	Châu	12/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5			5.50	6.50	5.20	
14	V K 0110	Đặng Thị Minh	Châu	02/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.1			8.25	5.50	8.90	Nhi Ngữ văn
15	S K 0111	Đinh Thị Ngọc	Châu	07/04/2010	Nữ	Bana	Bình Định	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.0			7.75	2.75	6.80	
16	T C 0112	Dương Ngọc Minh	Châu	17/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Tin học	9.8	8.00	8.50	8.40	KK Toán
17	A K 0113	Lê Ngọc Bảo	Châu	23/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			8.00	9.00	9.30	Ba Tiếng Anh
18	A D 0114	Lê Ngọc Trân	Châu	13/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8	Địa lí	9.7	8.00	7.25	9.70	
19	T H 0115	Nguyễn Bảo	Châu	25/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.4	Hóa học	9.0	7.00	8.50	8.10	
20	A V 0116	Nguyễn Bảo	Châu	26/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.8	7.00	8.00	9.40	
21	H S 0117	Nguyễn Minh	Châu	08/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5	Sinh học	9.5	6.50	7.50	8.10	
22	T C 0118	Nguyễn Ngọc Bằng	Châu	03/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	K	T	Toán	8.4	Tin học	8.6	5.25	5.50	5.00	
23	A V 0119	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	28/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	7.4	5.50	6.75	8.90	
24	A V 0120	Nguyễn Thị Bảo	Châu	15/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Chư Prông	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Ngữ văn	8.5	6.00	7.00	9.80	KK Tiếng Anh

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Đức Mạnh
Quo Trọng Dũng Hải
Ngô Thu
Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 04

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	V D 0073	Vũ Quỳnh	Anh	15/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.4	Địa lí	9.1	9.00	5.50	5.90	
2	L C 0074	Vũ Thái Như	Anh	08/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Iagrai	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.9	Tin học	7.9	7.25	8.75	3.00	
3	H K 0075	Bùi Ngọc	Ánh	23/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2			6.75	7.25	7.40	
4	L K 0076	Lâm Nguyệt	Ánh	08/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.4			6.00	2.25	4.00	
5	C K 0077	Nguyễn Nguyệt	Ánh	17/10/2010	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.6			6.50	7.75	7.20	
6	V K 0078	Vũ Hoàng Ngọc	Ánh	20/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	7.4			7.00	3.25	5.40	
7	H T 0079	Mai Nguyễn Thiên	Ân	08/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.4	Toán	9.7	6.75	7.75	5.70	
8	H K 0080	Nguyễn Thiên	Ân	07/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, Ia Grai	T	T	K	T	K	K	T	T	Hóa học	8.7			4.25	1.75	6.00	
9	C H 0081	Trần Thiên	Ân	06/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.4	Hóa học	8.5	7.75	8.00	8.00	
10	V K 0082	Nguyễn Hải	Âu	20/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	K	T	Ngữ văn	7.4			8.50	1.00	6.50	
11	T C 0083	Lê Thành	Bách	30/03/2010	Nam	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.4	7.00	9.25	8.40	
12	S T 0084	Nguyễn Hoàng	Bách	19/11/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	APC Gia Lai	K	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.5	Toán	9.1	6.50	6.75	4.50	
13	A D 0085	Phạm Hoàng	Bách	26/06/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.1	Địa lí	9.2	8.25	6.50	7.10	
14	B C 0086	Đặng Gia	Bảo	06/07/2010	Nam	Nùng	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0	Tin học	9.4	6.25	6.25	7.90	
15	D K 0087	Đào Nguyên	Bảo	17/11/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, KôngChro	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	9.0			7.50	7.75	6.00	
16	A K 0088	Đỗ Gia	Bảo	02/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	K	K	K	T	T	T	Tiếng Anh	9.3			4.75	5.50	6.80	
17	H C 0089	Lê Gia	Bảo	24/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.7	Tin học	8.8	7.00	7.25	5.00	
18	H C 0090	Nguyễn Hoàng Thiên	Bảo	03/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.2	Tin học	9.1	7.75	7.00	6.20	
19	H C 0091	Nguyễn Minh Thiên	Bảo	16/09/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Ayunpa	K	T	K	T	T	T	T	T	Hóa học	9.0	Tin học	9.3	6.25	6.00	4.80	
20	T C 0092	Nguyễn Như Gia	Bảo	15/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.2	Tin học	8.8	7.75	8.25	6.50	
21	C D 0093	Nguyễn Vô Gia	Bảo	14/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	K	T	K	T	T	T	Tin học	7.8	Địa lí	8.8	6.25	3.75	4.50	
22	S V 0094	Nguyễn Vương Gia	Bảo	01/04/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	9.1	Ngữ văn	8.4	7.50	6.00	6.90	
23	T C 0095	Phạm Ngô Duy	Bảo	14/11/2009	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.9	Tin học	9.5	9.50	8.25	8.50	KK Tin học
24	T C 0096	Trần Gia	Bảo	10/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	8.8	9.25	9.00	6.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Phạm Hải Nam
Người nhập điểm: Trần Lê Đình Hải
Người soát điểm thứ nhất: Nguyễn Thị
Người soát điểm thứ hai: Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Long
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH GIA LAI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 03

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	T C 0049	Nguyễn Trâm	Anh	30/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	7.6	5.00	6.25	4.70	
2	V K 0050	Nguyễn Trương Hoàng	Anh	09/05/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	APC, Gia Lai	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6			8.00	4.25	2.80	
3	H S 0051	Phạm Đào Lan	Anh	04/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.6	Sinh học	8.6	7.00	4.00	4.60	
4	D C 0052	Phạm Thị Lan	Anh	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu, Đăk Đoa	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.5	Tin học	9.1	6.50	5.00	4.40	
5	T A 0053	Phan Kiều	Anh	13/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.8	Tiếng Anh	9.2	7.00	7.50	8.10	
6	V D 0054	Phan Nguyễn Ngọc	Anh	11/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Địa lí	9.1	7.50	4.00	3.60	
7	T A 0055	Phan Quang	Anh	06/03/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.5	Tiếng Anh	8.8	Vắng	Vắng	Vắng	
8	V B 0056	Trần Cao Văn	Anh	26/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8	Lịch sử	8.7	6.50	3.75	3.20	
9	H A 0057	Trần Hải	Anh	02/02/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	7.9	Tiếng Anh	9.5	6.75	6.75	8.30	
10	V K 0058	Trần Hoàng	Anh	17/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An, Mang Yang	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6			7.00	3.00	2.80	
11	B K 0059	Trần Hoàng Mỹ	Anh	15/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.1			8.00	7.00	5.00	
12	V B 0060	Trần Lê Dương	Anh	16/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.0	Lịch sử	8.3	7.00	2.00	4.20	
13	H K 0061	Trần Nguyên	Anh	14/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, An Khê	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.1			7.50	5.50	6.60	
14	A K 0062	Trần Nguyễn Văn	Anh	18/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.0			8.00	3.50	8.70	
15	S K 0063	Trần Phạm Lan	Anh	30/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương, IaGrai	T	T	K	T	T	T	T	T	Sinh học	7.9			6.75	4.00	5.30	
16	V A 0064	Trần Phạm Quỳnh	Anh	06/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.7	Tiếng Anh	9.4	8.50	5.00	7.80	
17	T C 0065	Trần Việt	Anh	27/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	8.3	Tin học	9.3	7.50	7.75	7.90	
18	S K 0066	Trần Xuân	Anh	30/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.1			6.75	2.00	5.10	
19	A D 0067	Trịnh Nguyễn Quỳnh	Anh	01/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Địa lí	8.5	6.25	4.75	8.20	
20	A D 0068	Trịnh Tuyết	Anh	16/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.4	Địa lí	8.4	6.50	7.00	8.20	
21	A V 0069	Võ Huỳnh Diệu	Anh	04/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trưng Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	8.0	7.50	6.00	9.50	
22	A D 0070	Võ Ngọc Diệu	Anh	11/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.6	Địa lí	9.7	7.75	7.50	9.20	
23	T C 0071	Vũ Hà	Anh	12/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tin học	9.2	9.00	9.00	8.60	
24	L C 0072	Vũ Hồng	Anh	05/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	8.8	Tin học	9.4	7.75	7.75	7.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Đức Mạnh
Trần Lê Đình Hải
Nguyễn Thị
Nguyễn Văn Khoa

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Long



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 02

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	B K 0025	Đặng Đình	Anh	13/08/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.0			6.00	4.50	7.00	
2	T C 0026	Dương Minh	Anh	15/08/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.6	Tin học	9.1	8.25	8.00	8.70	
3	T C 0027	Hoàng Ngọc	Anh	05/11/2010	Nữ	Kinh	Đồng Nai	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8	Tin học	9.6	8.50	6.25	8.10	
4	V D 0028	Hoàng Nhật	Anh	19/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Ngữ văn	8.8	Địa lí	9.0	8.00	4.25	1.90	
5	A V 0029	Hoàng Phương	Anh	24/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	8.8	8.75	9.25	9.40	Nhi Tiếng Anh
6	T A 0030	Lê Hoàng	Anh	04/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.5	Tiếng Anh	9.6	7.75	7.25	8.70	
7	D V 0031	Lê Minh	Anh	19/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.4	Ngữ văn	8.0	5.00	3.50	2.50	
8	D K 0032	Lê Nguyễn Ngọc	Anh	18/06/2010	Nữ	Kinh	Kon Tum	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	K	T	K	T	Địa lí	8.6			6.50	6.25	8.90	
9	V K 0033	Lê Quỳnh	Anh	12/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.8			7.00	8.25	8.20	
10	V C 0034	Lê Thị Hoài	Anh	24/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4	Tin học	9.3	7.75	6.25	3.30	
11	V K 0035	Ngô Hoàng Đan	Anh	16/09/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9			8.25	4.25	7.00	
12	B K 0036	Nguyễn Bùi Kiều	Anh	20/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Lịch sử	8.8			7.00	2.50	3.70	
13	V K 0037	Nguyễn Hà	Anh	02/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.2			8.25	1.50	2.80	
14	T K 0038	Nguyễn Hoàng	Anh	12/12/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Hiền, Đức Cơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.8			7.00	9.25	7.20	KK Toán
15	T C 0039	Nguyễn Hoàng Nhật	Anh	04/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	APC, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.3	Tin học	9.5	7.75	8.50	6.00	
16	D K 0040	Nguyễn Huy Nhật	Anh	22/10/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Địa lí	8.8			6.75	8.00	6.80	
17	S K 0041	Nguyễn Lê Minh	Anh	09/12/2009	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	K	T	T	T	K	T	T	T	Sinh học	8.2			5.75	5.50	5.70	
18	V K 0042	Nguyễn Mỹ	Anh	11/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.9			8.75	4.75	4.00	
19	H K 0043	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	26/09/2010	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.5			7.75	7.25	6.00	
20	A K 0044	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	29/11/2009	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Huệ, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.5			6.00	2.25	8.60	
21	T C 0045	Nguyễn Quỳnh	Anh	29/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Toán	9.0	Tin học	8.5	6.50	7.00	2.90	
22	D V 0046	Nguyễn Quỳnh	Anh	07/03/2010	Nữ	Kinh	Vĩnh Phúc	Chu Văn An, Iagrai	K	T	T	T	T	T	T	T	Địa lí	8.6	Ngữ văn	8.7	6.75	2.75	1.70	
23	A V 0047	Nguyễn Thị Hồng	Anh	20/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Ngô Gia Tự, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.9	Ngữ văn	9.1	8.75	2.75	8.30	
24	H K 0048	Nguyễn Thị Lan	Anh	18/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.8			Vắng	Vắng	Vắng	Nhi Hóa học

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Đức Mạnh
Trần Lê Đình Hải
Nguyễn Thị
Nguyễn Văn

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

PHÒNG 01

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		Điểm			Ghi chú/Giải tỉnh
									HT	RL	HT	RL	HT	RL	HT	RL	Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB	Ngữ Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A D 0001	Đinh Thanh Thùy	An	11/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.7	Địa lí	9.3	7.00	5.25	9.00	
2	B K 0002	Hồ Nguyễn Sông	An	05/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	UKA, Gia Lai	T	T	T	T	T	T	T	T	Lịch sử	9.5			7.00	6.25	7.30	
3	H V 0003	Lê Đỗ Thùy	An	17/12/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.0	Ngữ Văn	8.3	7.00	5.00	6.20	
4	A K 0004	Lê Phương	An	27/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			7.25	6.75	9.50	KK Tiếng Anh
5	B V 0005	Lê Triệu Bảo	An	25/01/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	K	T	Lịch sử	7.8	Ngữ văn	7.5	4.50	2.75	3.20	
6	C K 0006	Mai Quốc	An	12/01/2010	Nam	Kinh	TP. Hồ Chí Minh	Trần Phú, Pleiku	T	T	K	T	T	T	T	T	Tin học	8.9			5.00	6.75	7.40	
7	L T 0007	Ngô Hữu Hoài	An	25/01/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.2	Toán	9.3	6.25	7.25	8.80	KK Vật lí
8	H A 0008	Nguyễn Gia Hà	An	27/02/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	8.8	Tiếng Anh	9.7	7.50	7.75	9.30	
9	A B 0009	Nguyễn Mỹ	An	15/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	9.5	6.75	5.25	6.40	
10	A D 0010	Nguyễn Ngọc Bình	An	02/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Địa lí	8.4	7.75	5.75	7.60	
11	C K 0011	Nguyễn Thị Hà	An	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tin học	9.3			7.25	7.25	5.40	
12	A V 0012	Nguyễn Thị Phước	An	09/02/2010	Nữ	Kinh	Nghệ An	Trần Phú, Chư Pưh	T	T	T	K	T	T	T	T	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.0	5.00	4.50	5.10	
13	S V 0013	Phạm Nguyễn Thu	An	13/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.7	Ngữ văn	8.2	7.00	4.75	7.60	
14	V K 0014	Phạm Thị Thùy	An	25/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0			6.25	6.50	3.60	
15	A K 0015	Tô Trần Bảo	An	19/04/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung, Đức Cơ	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.8			8.00	9.00	9.10	Nhi Tiếng Anh
16	V B 0016	Trần Châu	An	14/03/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	9.0	Lịch sử	9.4	7.75	3.25	5.80	Nhi Lịch sử
17	H S 0017	Trần Đức	An	03/05/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Hóa học	9.3	Sinh học	9.3	7.00	5.25	7.70	
18	S K 0018	Trần Hà	An	10/11/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Sinh học	8.1			5.00	3.50	2.60	
19	V K 0019	Trần Minh	An	25/05/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng, Pleiku	K	T	K	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.4			6.75	2.25	4.30	
20	L K 0020	Trần Ngọc Gia	An	20/06/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Vật lí	9.3			Vắng	Vắng	Vắng	
21	A V 0021	Trần Nguyễn Bình	An	15/05/2010	Nữ	Kinh	Phước Yên	Trung Vương, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.4	6.50	5.50	6.90	
22	V C 0022	Trương Tú	An	13/07/2010	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.6	Tin học	8.7	7.00	5.75	6.90	
23	T C 0023	Vương Hữu	An	16/07/2010	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân, Pleiku	T	T	K	T	K	T	K	T	Toán	8.7	Tin học	8.6	5.25	2.00	3.00	
24	V K 0024	Bùi Nguyễn Mai	Anh	29/03/2010	Nữ	Kinh	TP. TP. Hồ Chí Minh	Trần Phú, Pleiku	T	T	T	T	T	T	T	T	Ngữ văn	8.5			7.25	5.75	5.10	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm:

Người nhập điểm:

Người soát điểm thứ nhất:

Người soát điểm thứ hai:

Phạm Thị Thi Giang
Quả Trại Đông Hải
Nguyễn Văn Long
Nguyễn Văn Long

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thi Giang

Gia Lai, ngày 13 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Long